

# TỰ HÀO VICEM HÀ TIÊN

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

## **Nội dung**

<b>I. HÀ TIÊN 1 NĂM 2018 .....</b>	<b>3</b>
1. Thông tin cổ đông.....	3
2. Các chỉ số tài chính cơ bản.....	4
3. Thông điệp của Hội Đồng Quản trị.....	5
4. Các thành tích đạt được .....	6
<b>II. THÔNG TIN CHUNG .....</b>	<b>7</b>
1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	8
2. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	9
3. Tổ chức và nhân sự:.....	11
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:.....	13
5. Các rủi ro .....	15
6. Định hướng phát triển .....	15
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....</b>	<b>17</b>
1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:.....	17
2. Tình hình tài chính năm 2018 .....	20
3. Kế hoạch năm 2019.....	22
4. Hà Tiên 1 cam kết phát triển xanh và bền vững.....	25
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>27</b>
1. Về cơ cấu của HĐQT:.....	27
2. Về kỹ năng của HĐQT: .....	27
3. Về phối hợp hoạt động và chấp hành các quy định pháp luật của HĐQT:.....	27
4. Về phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2019: .....	27
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>28</b>
1. Hội Đồng Quản Trị.....	28
2. Ban Kiểm Soát.....	31
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký.....	32
4. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: .....	33
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....</b>	<b>34</b>
<b>Địa chỉ liên hệ.....</b>	<b>81</b>
<b>Chữ Viết tắt.....</b>	<b>82</b>

## **I. HÀ TIÊN 1 NĂM 2018**

### **1. Thông tin cổ đông**

#### **Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1:**

Công ty đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán: HT 1 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam (Viết tắt “HOSE”) theo Quyết định số 136/QĐ – SGDCK ngày 31.10.2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Cổ phiếu HT1 chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2007.

**Mã Chứng Khoán:** HT1

**Kiểm toán độc lập:** Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

**Năm tài chính kết thúc vào ngày:** 31 tháng 12 hàng năm

**Giá đóng cửa điều chỉnh:**

- Cao nhất: 16.700 đồng/cổ phiếu
- Thấp nhất: 10.550 đồng/cổ phiếu

#### **Thông tin công ty**

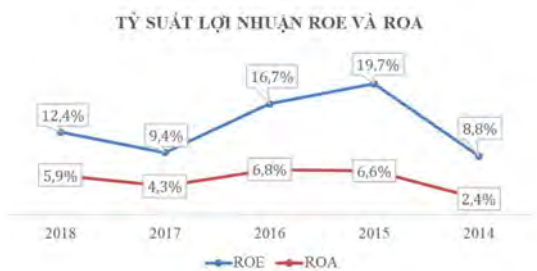
- Tên giao dịch : **Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1**
- Địa chỉ : **360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM**
- Số điện thoại : **+84. 28. 38 368 363 - 38 367 195**
- Số fax : **+84. 28. 38 361 278**

Trang quan hệ cổ đông:

- <http://www.hatien1.com.vn/vi/shareholder-relations/thong-tin-cong-bo.html>

## 2. Các chỉ số tài chính cơ bản

Các chỉ số tài chính cơ bản Công ty đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, cụ thể như sau:



### **3. Thông điệp của Hội Đồng Quản trị**

Trải qua 55 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 tự hào là đơn vị chủ lực của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tại miền Nam nói riêng và cả nước nói chung; Công ty đã liên tục cung cấp cho thị trường gần 100 triệu tấn xi măng các loại với chất lượng cao và ổn định, phục vụ nhiều công trình trọng điểm quốc gia, các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Vị thế của Công ty cùng thương hiệu “VICEM Hà Tiên” đã không ngừng phát triển, luôn gắn với biểu tượng “Kỳ lân” cùng sứ mệnh “Lớn mạnh do bạn và vì bạn”.

Năm 2018 vừa qua là một năm có nhiều thách thức lớn đối với Công ty với nhiều thay đổi lớn về quản trị điều hành trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng có nhiều biến động: phải đối mặt với những sức ép cạnh tranh và áp lực lớn từ sự mất cân đối về cung/cầu dẫn đến cạnh tranh khốc liệt; chi phí các nguyên nhiên liệu cho sản xuất tăng mạnh, tình hình thời tiết thay đổi bất thường, mùa mưa kéo quá dài ở khu vực Nam Trung Bộ & Tây Nguyên, mùa nước nổi kết hợp triều cường ở khu vực Tây Nam Bộ ảnh hưởng đến tiêu thụ xi măng... Dưới sự lãnh đạo và quan tâm sâu sát của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, sự tin tưởng, hợp tác của các Quý cổ đông, sự ủng hộ của Lãnh đạo các địa phương tại các địa bàn có Nhà máy, trạm nghiền của Công ty; sự thống nhất, đoàn kết trong Đảng bộ, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Chấp hành Công đoàn; sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân viên cùng với sự gắn bó, ủng hộ của khách hàng, người tiêu dùng, kết quả đạt được năm 2018 tạo dấu ấn đáng ghi nhớ trong lịch sử gần 55 năm của Công ty, dẫn đầu trong Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam: Sản xuất hơn 4,3 triệu tấn Clinker, sản xuất và tiêu thụ 6,8 triệu tấn Xi măng tăng 1,94 % so với năm 2017; năng suất lao động tăng bình quân 6% so với kế hoạch, doanh thu đạt 8.376 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 806 tỷ đồng tăng trên 34,3% so với 2017, hoàn thành toàn diện nhiệm vụ được đại hội đồng cổ đông giao cho năm 2018; đảm bảo đời sống, việc làm cho người lao động, hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, góp phần vào thành tích chung của VICEM năm 2018.

Năm 2019, dự báo tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức, đan xen là thời cơ, vận hội mới đón chờ; VICEM Hà Tiên xác định rõ mục tiêu nhiệm vụ, ổn định sản xuất – kinh doanh, siết chặt kỷ cương trong quản lý và điều hành; phát huy tối đa công suất thiết bị hiện có, tiếp tục đổi mới công nghệ trong sản xuất xi măng, tìm các giải pháp thích hợp để đạt tăng trưởng 5-6%; phấn đấu doanh thu đạt 10.000 tỷ đồng, lợi nhuận tăng trên 13%; triển khai các chương trình bảo vệ môi trường, quy hoạch lại các nhà máy sản xuất xi măng, đảm bảo xanh - sạch - đẹp, giảm thiểu tác động môi trường về dưới các chỉ số theo quy định của pháp luật; thực hiện các chương trình tiết kiệm tài nguyên, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên; đẩy mạnh việc ứng dụng thành tựu của khoa học công nghệ 4.0 trong quản lý, quản trị doanh nghiệp; tiếp tục rà soát sắp xếp lại tổ chức theo hướng tinh gọn và hiệu quả, phấn đấu tăng năng suất lao động từ 8,7% trở lên, chăm lo tốt đến đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, xứng đáng là đơn vị trụ cột dẫn đầu trong Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Vicem Hà Tiên trong suốt chặng đường xây dựng và phát triển, hướng đến tương lai bền vững và thịnh vượng!

Trân trọng kính chào.

**TM. Hội đồng quản trị**

**Lưu Đình Cường**

#### 4. Các thành tích đạt được

Giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn liên tục từ năm 1997 đến nay.

- Huân chương Lao động hạng III
- Cúp vàng vì sự phát triển cộng đồng
- Năm 2005 đạt danh hiệu “Đứng đầu ngành xây dựng cơ bản”
- Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2006
- Sao vàng đất Việt top 100 năm 2000
- Chứng nhận ISO 9001, 14001, 50001 và OHSAS 18000
- Hơn 20 huy chương vàng từ Hội chợ triển lãm quốc tế tại Giảng Võ – Hà Nội
- Năm 2009 đạt thương hiệu chứng khoán uy tín
- Sản phẩm vàng hội nhập WTO năm 2014
- Năm 2016, Hà Tiên 1 vinh dự là 1 trong 2 Doanh nghiệp của Việt Nam được trao giải thưởng ASEAN-OSHNET do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội phối hợp với Tổ chức Lao động quốc tế và Ban điều phối Mạng An toàn, vệ sinh lao động ASEAN dành cho Doanh nghiệp điển hình tốt về ATVSLĐ của 10 nước ASEAN.
- Năm 2018, Hà Tiên 1 vinh dự đón nhận Cờ thi đua của Chính Phủ và Top 10 Thương hiệu nổi tiếng đất Việt.



Sao vàng Đất Việt



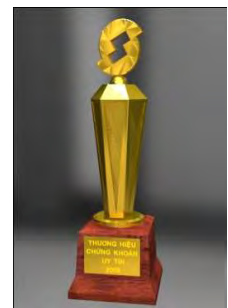
Cúp vàng Vietbuild



Cúp vàng nhân hiệu và thương hiệu



Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao



Thương hiệu chứng khoán uy tín



Doanh hiệu Top 10 thương hiệu nổi tiếng đất Việt



Cờ thi đua của Chính Phủ

## II. THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 (Hà tiên 1) là Công ty thành viên trực thuộc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (“Vicem”), tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước và đã cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2007. Trong 55 năm qua, Hà Tiên 1 là đơn vị chính của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ở miền Nam Việt Nam, chiếm khoảng 28% thị phần của thị trường khu vực phía Nam. Cùng với thương hiệu "VICEM Hà Tiên", vị thế của Hà Tiên 1 luôn không ngừng phát triển với biểu tượng "Con kỳ lân" và khẩu hiệu "Lớn mạnh do bạn và vì bạn".

### Quá trình hình thành và phát triển

#### Thời điểm      Quá trình hình thành

- Năm 1960: Khởi công xây dựng nhà máy xi măng Hà Tiên và đưa vào hoạt động từ ngày 21/3/1964
- Năm 1974: Ký hợp đồng với hãng Polysius và tập đoàn Ngân hàng Worms đầu tư chương trình khuyến khích xi măng Hà Tiên với dây chuyền 900.000 tấn clinker/năm và 500.000 tấn xi măng/năm tại Kiên Lương; 500.000 tấn xi măng/năm tại Thủ Đức
- Năm 1993: Nhà máy liên hợp xi măng Hà Tiên được tách thành Nhà máy Xi măng Hà Tiên 1 và Nhà máy Xi măng Hà Tiên 2
- Năm 1994: Nhà máy Xi măng Hà Tiên 1 đổi tên thành “Công ty Xi măng Hà Tiên 1”
  - 10/1999: Cải tổ công tác tiêu thụ sản phẩm, thành lập hệ thống các Nhà phân phối xi măng tại khu vực phía Nam.
  - 10/2000: Nhận Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000
  - 01/2001: Hoàn thành dự án Cải Tạo Môi Trường, có thêm dây chuyền nghiền 500.000 tấn xi măng/năm
- 31/12/2003: Chuyển đổi sang Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
  - 08/2004: Hoàn thành dây chuyền sản xuất vỏ bao dán theo công nghệ hiện đại
  - 12/2004: Phòng thí nghiệm Hà Tiên 1 được công nhận đạt chuẩn quốc gia với số hiệu VILAS 125
- 18/01/2007: Chuyển thể thành Công ty cổ phần, kế thừa toàn bộ Công ty xi măng Hà Tiên 1
  - 30/3/2007: Lễ khởi công xây dựng Trạm Nghiền và Phân phối xi măng Phía Nam tại Phú Hữu, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh công suất 1,0 triệu tấn xi măng/năm.
  - 31/03/2007: Lễ khởi công xây dựng nhà máy xi măng Bình Phước tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước công suất 1,76 triệu tấn clinker/năm và 2,0 triệu tấn xi măng/năm (01 dây chuyền xi măng đặt tại Bình Phước, 01 dây chuyền xi măng đặt tại Phú Hữu).
- 10/04/2009: Lễ khởi công dây chuyền HT2.2 tại Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
- 12/06/2009: Đưa dây chuyền nghiền xi măng công suất 500.000 tấn tại Khu công nghiệp Long Định, huyện Bến Lức, tỉnh Long An vào hoạt động

- 26/07/2010: Nhận được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sáp nhập Công ty CP xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 đánh dấu sự thống nhất và khởi đầu của một giai đoạn phát triển mới của Hà Tiên 1, các chi nhánh gồm:
- Nhà máy xi măng Bình Phước, địa chỉ: xã Thanh Lương, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.
  - Nhà máy xi măng Kiên Lương, địa chỉ: Quốc Lộ 80, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
  - Trạm nghiền Long An, địa chỉ: KCN Long Định, Xã Long Định, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An.
  - Trạm nghiền Phú Hữu, địa chỉ: phường Phú Hữu, quận 9, Tp.Hồ Chí Minh.
  - Trạm nghiền Thủ Đức, địa chỉ: Km 8, Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh.
  - Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ xi măng Hà Tiên, địa chỉ lầu 3, số 19 đường Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.
- 12/07/2011: Tiếp nhận Dự án Trạm nghiền xi măng Cam Ranh từ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và xây lắp Đà Nẵng, đưa Trạm nghiền Cam Ranh vào hoạt động và tổ chức sự kiện “Chào mừng tấn xi măng đầu tiên tại Trạm nghiền Cam Ranh” vào ngày 19/07/2011
- 06/01/2012: Trạm nghiền Phú Hữu nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 20/07/2012: Nhà máy xi măng Bình Phước đón nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 08/12/2012: Nhận chứng nhận hợp quy QC 16-1
- 20/12/2012: Trạm nghiền Long An nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 24/12/2012: Trạm nghiền Cam Ranh nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 21/03/2014: Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và phát triển
- 24/12/2014: Công ty và các chi nhánh thực thuộc Công ty nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18000
- 21/10/2015: Thành lập Chi nhánh: Xí nghiệp quản lý đường BOT Phú Hữu, địa chỉ 14/68 Đường 990, khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Tp.HCM
- 26/01/2016: Nhà máy xi măng Kiên Lương đón nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 28/11/2016: Hoàn tất chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001 cho tất cả các chi nhánh trực thuộc Công ty
- Trạm nghiền Thủ Đức chấm dứt hoạt động để di dời sau 52 năm sản xuất kinh doanh.
- 30/11/2016:

## **1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### **Ngành nghề kinh doanh chính**



- Sản xuất kinh doanh xi măng, vôi, thạch cao và các sản phẩm từ vôi.
- Sản xuất các sản phẩm từ vôi, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng, phụ gia cho sản xuất vật liệu xây dựng.
- Mua bán xi măng, các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng, vôi, thạch cao, các sản phẩm từ vôi, thạch cao, cát đá sỏi.

**Địa bàn kinh doanh:**

- Trong nước: từ Phú Yên đến Cà Mau.
- Xuất khẩu: Campuchia, Úc,...

**2. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**Mô hình quản trị**

- Mô hình quản trị của Hà Tiên 1 là mô hình quản trị theo chức năng và được tổ chức như sau:

**i. Ban quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh**

Ban Tổng giám đốc của Hà Tiên 1 bao gồm Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật của công ty, quản trị và điều hành tất cả các hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Phó Tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực khác nhau, bao gồm:
  - Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh.
  - Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính.
  - Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật.

**ii. Đơn vị Bán hàng**

Xí nghiệp tiêu thụ có Ban giám đốc, 9 trung tâm tiêu thụ và 5 phòng ban, trong đó có trách nhiệm phân phối và tiêu thụ các sản phẩm của công ty.

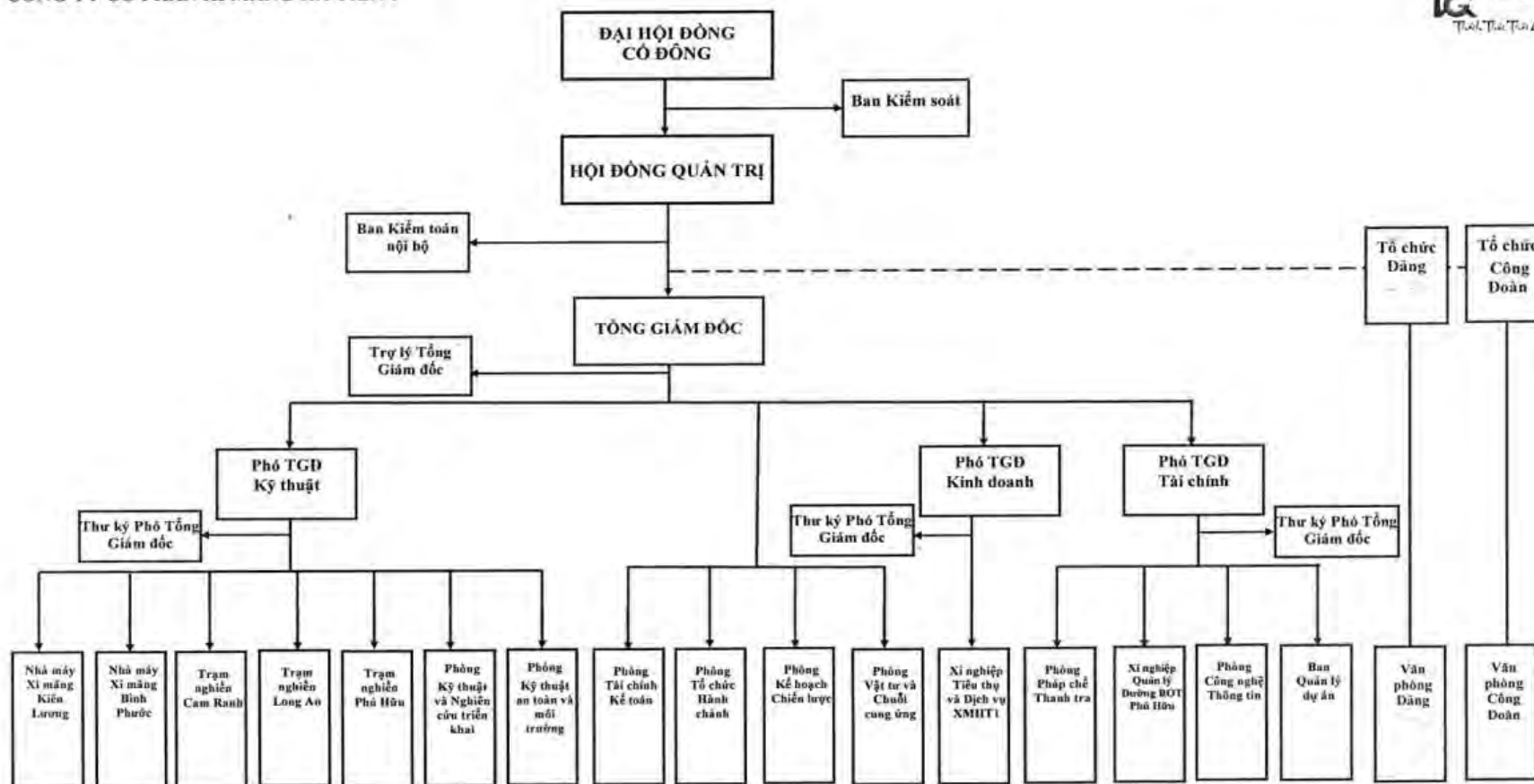
**iii. Đơn vị Sản xuất**

Công ty có 05 đơn vị sản xuất xi măng gồm có 02 nhà máy sản xuất clinker, xi măng và 03 trạm nghiền xi măng với nhiệm vụ sản xuất, cung cấp và phân phối xi măng cho các tỉnh, thành, đặc khu kinh tế ở phía Nam, Đông nam bộ, Tây nam bộ, Tây nguyên, Duyên hải Nam Trung bộ đến Mũi Cà Mau.

**iv. Phòng ban Hỗ trợ và quản lý**

Công ty có bộ phận giúp việc và hỗ trợ gồm có 08 phòng ban quản lý tại trụ sở chính, 01 Ban quản lý dự án, chịu trách nhiệm hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ và triển khai đầu tư các dự án của Công ty.

**Cơ cấu bộ máy quản lý**



**Ghi chú:**

- Đường chỉ đạo trực tuyến
- - - -> Đường chỉ đạo gián tuyến

## **Công ty con**

### **Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Bất Động Sản Trường Thọ**

- Địa chỉ: Lầu 5, tòa nhà Landmark, số 5B Tôn Đức Thắng phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: kinh doanh bất động sản.
- Vốn điều lệ Công ty: 30.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ Hà Tiên 1 tham gia góp: 19.500.000.000, với tỷ lệ sở hữu là 65%.

## **3. Tổ chức và nhân sự:**

### **a. Thông tin về danh sách Ban điều hành**

#### **❖ Hội đồng quản trị**

- Ông Lưu Đình Cường** **Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1**
  - Ngày tháng năm sinh: 25/2/1979 Nơi sinh: Xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Trình độ văn hoá: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng cơ bản
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.216.410.880.000 đồng
- Ông Nguyễn Quốc Thắng** **Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Nhà máy Bình Phước - Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1**
  - Ngày tháng năm sinh: 10/1/1972 Nơi sinh: Xã Trần Phú, Huyện Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Trình độ văn hoá: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 608.205.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Văn Lập** **Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Phòng KT & NCTK - Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1**
  - Ngày tháng năm sinh: 16/8/1964 Nơi sinh: Xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Trình độ văn hoá: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa Silicat
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 608.205.000.000 đồng
- Ông Bùi Nguyên Quỳnh** **Thành viên Hội đồng Quản trị, Kế toán trưởng- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1**

- Ngày tháng năm sinh: 22/7/1980 Nơi sinh: Hà Đông – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hoá: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

**5. Ông Lê Xuân Khôi Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Ngày tháng năm sinh: 20/4/1972 Nơi sinh: Đông Hải, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hoá: Lớp 10/10 hệ chính quy.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp; Cử nhân Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng cơ bản
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 608.205.000.000 đồng

**6. Ông Nguyễn Văn Chuyên Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Ngày tháng năm sinh: 18-08-1962 Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kinh doanh khai thác vận tải biển

**❖ Ban Tổng giám đốc**

**1. Ông Lưu Đình Cường Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1**

**2. Ông Mai Văn Yên Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1**

- Ngày tháng năm sinh: 10-10-1959 Nơi sinh: Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa Silicat

**3. Ông Phạm Đình Nhật Cường Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1**

- Ngày tháng năm sinh: 02-02-1962 Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Tài chính Kế toán.

**❖ Kế toán trưởng**

**1. Ông Bùi Nguyên Quỳnh Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1**

**b. Những thay đổi trong ban điều hành:**

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch	Từ nhiệm từ ngày 25/07/2018

2	Ông Nguyễn Ngọc Anh	P. Chủ tịch	Thôi TV HĐQT ngày 27/04/2018
3	Ông Cái Hồng Thu	Ủy viên	Thôi TV HĐQT ngày 27/04/2018
4	Ông Mai Văn Yên	Ủy viên	Thôi TV HĐQT ngày 27/04/2018
5	Ông Phạm Văn Thông	Ủy viên	Thôi TV HĐQT ngày 27/04/2018
6	Ông Phạm Đình Nhật Cường	Ủy viên	Thôi TV HĐQT ngày 27/04/2018
7	Ông Tô Hải	Ủy viên	Thôi TV HĐQT ngày 27/04/2018
8	Ông Nguyễn Văn Chuyền	Ủy viên	
9	Ông Lưu Đình Cường	Phụ trách HĐQT	TV HĐQT từ ngày 27/04/2018
10	Ông Lê Xuân Khôi	Ủy viên	TV HĐQT từ ngày 27/04/2018
11	Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Ủy viên	TV HĐQT từ ngày 27/04/2018
12	Ông Nguyễn Quốc Thắng	Ủy viên	TV HĐQT từ ngày 27/04/2018
13	Ông Nguyễn Văn Lập	Ủy viên	TV HĐQT từ ngày 27/04/2018

### c. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2018 là 2.511 người.

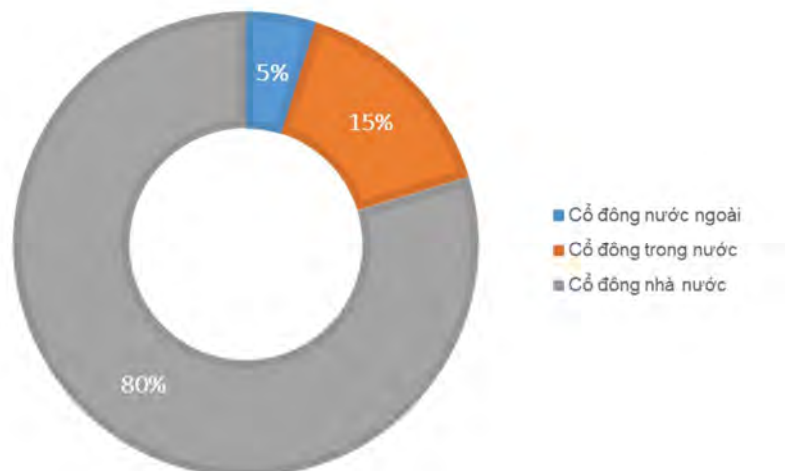
## 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

### a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : **381.589.911 cổ phần**
- Loại cổ phần đang lưu hành : phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 381.589.911 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

### b. Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 11/10/2018, cơ cấu cổ đông nhà nước và cổ đông khác của Hà Tiên 1 không thay đổi so với năm 2017, cụ thể như sau:



	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	% Vốn điều lệ
Cổ phiếu đang lưu hành	4.405	381.541.911	99,99%
Cổ phiếu quỹ	1	48.000	0,01%
<b>Tổng Cộng</b>	<b>4.406</b>	<b>381.589.911</b>	<b>100,00%</b>

**Trong đó:**

<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>4.268</b>	<b>362.944.872</b>	<b>95,11%</b>
- Tổ chức	94	320.156.928	83,90%
- Cá nhân	4.174	42.787.944	11,21%
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>138</b>	<b>18.645.039</b>	<b>4,89%</b>
- Tổ chức	49	18.006.205	4,72%
- Cá nhân	89	638.834	0,17%

**Danh sách 20 cổ đông lớn nhất của Công ty**

(theo danh sách chốt cổ đông ngày 11/10/2018)

	Tên Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công Ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	304.102.588	79,69%
2	Thanachart Securities Public Company Limited	5.573.466	1,46%
3	Công Ty Cp Vận Tải Và Thương Mại Quốc Tế	5.237.946	1,37%
4	Phatra Capital Public Company Limited	5.137.370	1,35%
5	Nguyễn Thị Huệ	5.030.000	1,32%
6	Nguyễn Thị Hoa	5.020.004	1,32%
7	Trần Bửu Hoa	2.680.742	0,70%
8	Tundra Vietnam Fund	2.513.804	0,66%
9	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	2.260.061	0,59%
10	Trần Hoàng Tuấn	1.853.845	0,49%
11	Trịnh Thị Long Hương	1.624.596	0,43%
12	Nguyễn Thị Vui	1.400.000	0,37%
13	Công Ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank	1.388.600	0,36%
14	Đặng Thị Hồng Trang	1.330.190	0,35%
15	Prevoir Renaissance Vietnam	1.170.000	0,31%

	Tên Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
16	Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên	1.084.320	0,28%
17	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hàng Đầu Vcbf	1.017.890	0,27%
18	Đoàn Thị Thanh Vân	1.000.000	0,26%
19	Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	807.210	0,21%
20	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	645.145	0,17%
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>350.877.777</b>	<b>91,95%</b>

## 5. Các rủi ro

### Rủi ro cạnh tranh

- Các tập đoàn xi măng của các nước ASEAN, đặc biệt là Thái Lan, Indonesia, Malaysia tăng cường mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp xi măng Việt Nam, gia tăng đầu tư để chiếm lĩnh thị trường, thị phần.
- Công nghệ xây dựng phát triển mạnh về trình độ và ứng dụng nên vật liệu thay thế xi măng như kính cường lực, gỗ, composite, khung nhà thép,... đang có chiều hướng dịch chuyển nhanh.

### Rủi ro đặc thù của ngành

- Ngành xi măng chịu nhiều tác động từ việc triển khai thực hiện các quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng và quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng, diễn biến của thị trường bất động sản, quy mô, tốc độ giải ngân vốn đầu tư xã hội cũng như các rủi ro địa chất thủy văn nước mặt, nước ngầm các mỏ nguyên liệu, các sự cố nằm ngoài kiểm soát trong vận hành dây chuyền máy móc thiết bị,.....
- Quá trình đô thị hóa nhanh làm cho các vị trí nhà máy, trạm nghiền xi măng ngày càng trở nên nhạy cảm về các vấn đề môi trường, yêu cầu sản xuất sạch, xanh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên không tái sinh để phát triển bền vững.
- Giá than, điện, năng lượng, tỷ giá, lãi suất có xu hướng tăng, gây áp lực lớn làm tăng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Hà Tiên 1.

### Rủi ro khác

- Các rủi ro mưa gió, bão lũ, động đất, thiên tai, những biến động chính trị, xã hội, chiến tranh, dịch họa....

## 6. Định hướng phát triển

### Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Chúng tôi nhận thức rằng Hà Tiên 1 “Lớn mạnh do bạn và vì bạn”, do vậy chúng tôi cam kết không ngừng đầu tư phát triển, mở rộng kinh doanh nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng.
- Hà Tiên 1 cam kết sản xuất và cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao nhằm đáp ứng mọi nhu cầu hợp lý của khách hàng.

- Hà Tiên 1 đặt mục tiêu đến 2025 chiếm 29,3% thị phần, sản lượng 11,3 triệu tấn tăng 1,66 lần so với năm 2018. Tầm nhìn đến 2030, Hà Tiên 1 đặt mục tiêu tiêu thụ xi măng 16,20 triệu tấn, tăng 1,43 lần so với năm 2025, tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trong ngành xi măng tại thị trường Miền Nam, thị phần chiếm giữ từ 35 – 40% tại các thị trường cốt lõi.
- Để thực hiện mục tiêu dài hạn nêu trên, Hà Tiên 1 đẩy nhanh quá trình triển khai chương trình đầu tư xây dựng tăng năng lực sản xuất tại khu vực thị trường miền Nam kịp thời bổ sung năng lực sản xuất và tiêu thụ để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong giai đoạn sắp đến.

#### **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Hà Tiên 1 cam kết sản xuất xanh, phát triển bền vững, đảm bảo lợi ích tổng hợp toàn diện cao nhất cho cổ đông, người lao động, cho Nhà nước, xã hội và cộng đồng.
- Hà Tiên 1 thực hiện các chiến lược về sản xuất để trở thành một nhà sản xuất hàng đầu, uy tín, chất lượng. Về tiêu thụ tại khu vực phía Nam với thương hiệu dẫn đầu thị trường và chiến lược mở rộng thị trường mục tiêu ở Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và xuất khẩu sang Campuchia, Úc, các thị trường tiềm năng phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng Công ty công nghiệp xi măng ở Việt Nam.



### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:**

##### **Tổng quan môi trường kinh doanh:**

##### **Thuận lợi:**

- Kinh tế - xã hội Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới nhìn chung có sự tăng trưởng và ổn định, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 7,08% cao nhất trong vòng 10 năm gần đây; ngành xây dựng đạt 9,16% so với cùng kỳ, trong đó cơ sở hạ tầng, thị trường bất động sản tăng trưởng ổn định, tạo điều kiện cho ngành vật liệu xây dựng phát triển.
- Tình hình tiêu thụ xi măng cả nước năm 2018 đạt khoảng 96,73 triệu tấn, tăng 19% so với năm 2017. Trong đó, tiêu thụ trong nước khoảng 65,08 triệu tấn, tăng 9% so với năm 2017, lượng xi măng và clinker xuất khẩu đạt khoảng 31,65 triệu tấn, đạt sản lượng xuất khẩu lớn nhất từ trước tới nay và tăng tới 55% so với năm 2017, trong đó chủ yếu là xuất khẩu tăng mạnh do Trung Quốc đóng cửa nhiều nhà máy vì ô nhiễm môi trường.

##### **Khó khăn:**

- Chi phí các nguyên nhiên liệu cho sản xuất tăng mạnh, đặc biệt là chi phí năng lượng (than tăng giá 2 lần, tương ứng trên 15%), nguồn than, thạch cao trong nước không đủ đáp ứng cho sản xuất, bắt đầu phải phụ thuộc thị trường than thế giới. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tác động đến chi phí vận tải quốc tế, sự mất giá đồng tiền ở một số quốc gia.
- Tình hình thời tiết năm 2018 thay đổi bất thường, mùa mưa kéo quá dài ở khu vực Nam Trung Bộ & Tây Nguyên, mùa nước nổi kết hợp triều cường ở khu vực Tây Nam Bộ ảnh hưởng đến tiêu thụ xi măng.
- Các thương hiệu phía Bắc thâm nhập vào miền Nam cùng với các thương hiệu thuộc phân khúc giá rẻ đã làm phân hóa thị phần, ảnh hưởng rất nhiều đến sản lượng tiêu thụ và thị phần Vicem Hà Tiên.

##### **Kết quả sản xuất kinh doanh của Hà Tiên 1 năm 2018.**

- Trong năm 2018, Hà Tiên 1 đã nỗ lực phấn đấu trong hoạt động tiêu thụ, trong đó, sản lượng tiêu thụ xi măng Vicem Hà Tiên 4 tháng đầu năm giảm 5,78% so với cùng kỳ 2017. Song, với sự nỗ lực, cố gắng của Công ty, sự quan tâm, hỗ trợ của VICEM cùng với sự gắn bó, ủng hộ của khách hàng, người tiêu dùng giúp cho sản lượng tiêu thụ xi măng năm đạt 6,817 triệu tấn, tăng 1,9% so với 2017, đạt 98,8% kế hoạch. Đặc biệt trong tháng 12/2018, thị phần của Vicem Hà Tiên tại thị trường miền Nam đã có sự tăng trưởng vượt trội, cụ thể thị phần xi măng bao chiếm 33,21% là tỷ lệ cao nhất từ trước đến nay; thị phần xi măng rời chiếm tỷ lệ 25,8%, trở thành đơn vị dẫn đầu thị trường khu vực phía Nam.
- Kết quả kinh doanh năm 2018 của Hà Tiên 1 đạt hiệu quả cao, Lợi nhuận trước thuế đạt 806 tỷ đồng cao hơn 12,1% so với kế hoạch, và 34,33% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã chủ động, kịp thời đưa ra các chính sách, điều chỉnh điều hành tiêu thụ và sản xuất, tận dụng những yếu tố thuận lợi, phát huy sáng tạo, đẩy mạnh sáng kiến khoa học kỹ thuật, áp dụng khoa học công nghệ, tối ưu hóa thiết bị chính, tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm nhằm hoàn thành mục tiêu lợi nhuận.

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2018			Năm 2017	% tăng/giảm so Năm 2017
			Thực hiện	Kế hoạch	% Thực hiện so kế hoạch		
1	<b>Tiêu thụ xi măng</b>	<b>Tấn</b>	<b>6.817.469</b>	<b>6.900.000</b>	<b>98,80%</b>	<b>6.690.288</b>	<b>1,90%</b>
a.	TTXM trong nước	Tấn	6.590.427	6.700.000	98,36%	6.501.182	1,37%
b.	XM xuất khẩu	Tấn	227.042	200.000	113,52%	189.106	20,06%
2	<b>Tiêu thụ clinker</b>	<b>Tấn</b>	<b>552.683</b>	<b>628.800</b>	<b>87,89%</b>	<b>427.465</b>	<b>29,29%</b>
3	Doanh thu thuần	Tỷ VNĐ	8.376	8.330	100,55%	8.209	2,03%
4	Lợi nhuận trước thuế	"-	806	719	112,10%	600	34,33%

#### **Hoạt động sản xuất:**

- Sản xuất clinker: đạt 4,3 triệu tấn, là sản lượng cao nhất từ trước đến nay, đạt 102,7% kế hoạch, tăng 8,12% so với năm 2017. Trong đó, Thời gian hoạt động của Lò nung Bình Phước và Lò nung Kiên Lương 2 luôn duy trì ổn định.
- Sản xuất xi măng: đạt 6,1 triệu tấn, đạt 104,3% kế hoạch, tăng 9,2% so với năm 2017.
- Triển khai tận dụng các phế thải của các ngành công nghiệp khác, giúp bảo vệ môi trường và thay thế phụ gia trợ nghiền thế hệ mới có chi phí thấp hơn giúp giảm giá thành sản xuất xi măng.
- Công tác quản lý chất lượng, khối lượng nguyên nhiên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra ngày càng được cải thiện. Chất lượng clinker và xi măng được duy trì ổn định. Hà Tiên 1 đã tiến hành nghiên cứu, tính toán điều chỉnh bài toán phối liệu để tăng thành phần khoáng cho clinker Bình Phước nhằm rút ngắn thời gian đông kết bê tông 2-3h so với trước đây, đáp ứng yêu cầu tháo cốp pha sớm trong thi công, làm hài lòng khách hàng.
- Tiếp tục rà soát, xử lý các nút thắt công nghệ, tối ưu hoá sản xuất; thực hiện kiểm tra, kiểm soát dây chuyền, thiết bị nhằm xác lập chế độ vận hành hợp lý và tăng năng suất lò nung, nghiền liệu dây chuyền 2 Kiên Lương, giảm tiêu hao điện năng.
- Duy trì thăm khám thiết bị, duy tu, bảo dưỡng và kế hoạch sửa chữa định kỳ tốt, chất lượng vật tư phụ tùng ngày càng được tối ưu hóa nên hầu như không có sự cố lớn xảy ra, năng suất thiết bị tăng lên, gia tăng sản lượng cung cấp cho thị trường.

#### **Hoạt động tổ chức lao động:**

- Năm 2018 Hà Tiên 1 đã tiến hành bổ nhiệm/lưu chuyển cán bộ CNV và Cán bộ quản lý, bố trí đúng người, đúng việc làm nâng cao năng suất lao động trong toàn Hà Tiên 1.
- Tổ chức các đợt đào tạo và đào tạo lại, trang bị kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm cho thương vụ, kỹ năng quản lý cho các cán bộ, kỹ sư thuộc khối sản xuất và nâng cao tay nghề cho CNKT nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả công tác, kết quả năm 2018 tổ chức 129 lớp đào tạo cho khoảng 784 lượt người lao động.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách có liên quan đến người lao động. Thực hiện trả lương cho người lao động đúng theo thỏa ước lao động tập thể, lương bình quân năm 2018 tăng 3,59% so với kế hoạch. Trong năm, Công ty đã điều chỉnh tăng lương cho CBCNV tạo động lực phấn đấu khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài.

- Rà soát, sửa đổi bổ sung ban hành và đưa vào áp dụng các quy chế quản lý, quy trình, quy định đảm bảo theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế và sự phát triển của Công ty.
- Ban hành Phương án Cơ cấu tổ chức chi tiết, Chức năng nhiệm vụ theo mô hình 05 công đoạn 07 phân đoạn;
- Bố trí lực lượng lao động hợp lý tại các đơn vị trong Công ty, nâng cao hiệu quả công tác và tăng năng suất lao động. Năm 2018, năng suất lao động tăng 6% so với kế hoạch. Từng bước cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao trình độ chuyên môn, đời sống và thu nhập cho người lao động.

#### **Hoạt động An toàn & môi trường:**

- Công ty đã hoàn thành và đưa vào hoạt động Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (CEMs) tại TN Phú Hữu, TN Cam Ranh. Với các Nhà máy/Trạm nghiên còn lại sẽ hoàn thành trong Quý 1/2019.
- Trong năm 2018 không để xảy ra tai nạn lao động; các Chi nhánh, văn phòng chính được duy trì “Xanh - Sạch - Đẹp” và không có vi phạm môi trường:

#### **Đảm bảo an toàn trong sản xuất:**

- Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá các hạng mục kiểm tra an toàn thiết bị để ngăn ngừa tối đa tai nạn lao động, ổn định thiết bị trên dây chuyền sản xuất.
- Triển khai thực hiện chủ đề tháng an toàn lao động tại các Chi nhánh.

#### **Công tác bảo vệ môi trường:**

- Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường định kỳ 2 tháng/lần về hiện trường, kiểm soát đảm bảo các thông số môi trường đầu ra nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn, môi trường hiện hành.
- Kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động xử lý khí thải, nước thải, chất thải, đảm bảo các lọc bụi hoạt động hiệu quả, hệ thống xử lý nước thải vận hành 24/24.
- Hoàn thành xây dựng và áp dụng bảng liệt kê các công việc cần kiểm tra (check list) môi trường về mặt hồ sơ và hiện trường.
- Thực hiện trồng cây xanh tại các Nhà máy/Trạm nghiên.

#### **Các giải thưởng về công tác môi trường:**

- Phòng Kỹ thuật An Toàn Môi Trường, Nhà máy Bình Phước, Trạm nghiên Phú Hữu, Trạm nghiên Cam Ranh, Trạm nghiên Long An đã được Cục An toàn lao động tặng giấy khen do có thành tích xuất sắc về công tác An toàn – Vệ sinh lao động năm 2017.
- NM Bình Phước đã được Bộ Lao động, thương binh & xã hội tặng Cờ thi đua xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua về an toàn, vệ sinh lao động năm 2017.

#### **Hoạt động đầu tư và thực hiện các dự án**

##### **a. Các khoản đầu tư lớn**

- Nâng cao năng lực nghiên xi măng tại các Nhà máy của Hà Tiên 1: triển khai lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo VICEM, Bộ Xây dựng chấp thuận về chủ trương trong năm 2018.
- Các dự án khai thác mỏ nguyên liệu phục vụ sản xuất: Trong năm 2018 Công ty tiến hành các thủ tục đền bù giải phóng mặt bằng trong thời gian chờ phê duyệt cấp phép khai thác. Nhằm chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiết giảm chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả trong hoạt động khai thác góp phần tăng lợi nhuận, Công ty đã chủ động đề xuất chuyển đổi mô hình tự khai thác sang xã hội hoá khai thác mỏ đá vôi và báo cáo VICEM xin chủ trương chấp thuận.
- Kết quả thực hiện năm 2018:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Khối lượng			KH 2018	TH 2018	Tỷ lệ
	KH 2018	TH 2018	Tỷ lệ			
<b>TC</b>	<b>182.303</b>	<b>100.566</b>	<b>55%</b>	<b>179.783</b>	<b>65.683</b>	<b>37%</b>
Dự án nhóm A	1000	-	-	1000	-	-
Dự án nhóm B	83.577	53.776	64%	78.448	43.794	56%
Dự án nhóm C	97.726	46.790	48%	100.335	21889	22%

**b. Đầu tư Công ty con**❖ **Công ty con**➤ **Công ty TNHH Đầu tư phát triển Bất động sản Trường Thọ**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017	% năm 2018 so với năm 2017
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	-	-	-
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0.13	-5.03	-2.50%
3	Tổng tài sản	Tỷ đồng	23.64	23.57	100.30%
4	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	23.60	23.48	100.54%

**Hoạt động đối với cộng đồng địa phương**

- Năm 2018, Công đoàn đã phối hợp cùng Lãnh đạo Công ty duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc cho CBCNV; duy trì và phát huy hiệu quả phong trào thi đua yêu nước đã đạt được những kết quả khả quan, đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Song song các hoạt động chính trị và phong trào văn thể mỹ cho CBCNV Công ty, các hoạt động xã hội-từ thiện, hỗ trợ cộng đồng cũng được quan tâm thực hiện từ nhiều nguồn đóng góp. Tổng kết năm 2018, Công ty đã ủng hộ tổng số tiền 6.945.477.000 đồng thông qua các chương trình như: Phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh Hùng; chương trình “Chung tay vì người nghèo” của Mặt trận tổ quốc TP.HCM; Chương trình xã hội từ thiện của Vicem; Chương trình Xã hội từ thiện của địa phương có chi nhánh công ty trú đóng; Xây hồ bơi thiếu nhi cho Nhà văn hóa huyện Kiên Lương, hiến máu nhân đạo.

**2. Tình hình tài chính năm 2018**

Hà Tiên 1 duy trì ổn định và lành mạnh tình hình tài chính, các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động tăng cao so với năm 2017. Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả lần lượt giảm 4% và 7,4% so với năm 2017.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	+/- So với năm 2017
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	7.344	8.143	8.882	8.901	8.919	0,21%
- Doanh thu góp BH & CCDV	Tỷ đồng	7.043	8.001	8.757	8.851	8.878	0,31%

Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	+/- So với năm 2017
- Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	292	99	79	17	32	81,97%
- Thu nhập khác	Tỷ đồng	10	43	46	32	9	-72,36%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	396	1.042	1.019	600	806	34,33%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	305	811	809	486	641	31,89%
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	12.662	11.987	11.780	11.080	10.631	-4,5%
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	8.948	7.489	6.586	5.890	5.454	-7,4%
Trong đó	Tỷ đồng						
Nợ ngắn hạn và dài hạn đến hạn trả	Tỷ đồng	2.110	1.542	1.634	1.984	2.120	6,84%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	5.102	4.423	3.521	2.642	1.727	-34,64%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	3.714	4.498	5.195	5.189	5.177	-0,23%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.180	3.180	3.816	3.816	3.816	0,00%

#### ***i. Tình hình tài sản***

Tổng tài sản của Hà Tiên 1 tại thời điểm này 31/12/2018 là 10.631 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn 1.923 tỷ đồng, tài sản dài hạn 8.708 tỷ đồng, lần lượt chiếm 18,1% và 81,9% Tổng tài sản. So với năm 2017, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do tăng khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền, tài sản ngắn hạn khác, tỷ trọng tài sản dài hạn giảm chủ yếu do trích khấu hao hàng năm làm giảm giá trị của Tài sản cố định. Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Hà Tiên 1 ở mức ổn định, được sử dụng với hiệu suất cao và đem lại hiệu quả hoạt động cho Hà Tiên 1.

Vốn bằng tiền: Hà Tiên 1 duy trì vốn bằng tiền cao để đảm bảo đầy đủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính an toàn và hiệu quả cao đối với các khoản tiền gửi các kỳ hạn.

Nợ phải thu khách hàng: Trong năm 2018, Hà Tiên 1 không có khoản phải thu khó đòi, khả năng thu hồi công nợ luôn đạt tỷ lệ cao và đáp ứng tốt các chính sách công nợ cho khách hàng và lợi thế cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ. Giảm thời gian luân chuyển tiền bình quân từ 28 ngày còn 19 ngày.

Hàng tồn kho: Hà Tiên 1 đã tích cực giảm giá trị hàng tồn kho, tăng vòng quay từ 8,4 vòng lên 9,4 vòng, đảm bảo tính hợp lý hạn mức hàng tồn kho, đáp ứng kịp thời các nhu cầu tiêu thụ của các khu vực và địa bàn của Hà Tiên 1, và làm tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty.

#### ***ii. Tình hình nợ phải trả***

Trong cơ cấu nguồn vốn của Hà Tiên 1, nợ phải trả 5.454 tỷ đồng và nguồn vốn chủ sở hữu 5.177 tỷ đồng, tương ứng chiếm 51,3% và 48,7%. Trong đó, tỷ trọng nợ phải trả có xu hướng giảm nhẹ từng năm, giảm sử dụng cơ cấu đòn cân nợ. Tỷ trọng vốn sở hữu có xu hướng tăng qua từng năm kể từ năm 2013 đến nay. Do đó, Hà Tiên 1 đã tạo độ an toàn tài chính cao và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn tốt.

### iii. Tình hình quản lý vốn

Vốn chủ sở hữu của Hà Tiên 1 được bảo toàn và không có sự thay đổi đáng kể trong năm 2018. Hà Tiên 1 luôn đảm bảo cơ cấu vốn hợp lý và lành mạnh, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn trong từng giai đoạn.

#### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Với kết quả kinh doanh khả quan và quản lý tài chính chặt chẽ, năm 2018 các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đảm bảo tính hiệu quả và an toàn.

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0.53	0.52
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.27	0.34
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.53	0.51
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.14	1.05
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho	8.43	9.39
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.74	0.79
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5.94%	7.66%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9.40%	12.39%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4.40%	6.03%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	6.92%	9.53%

### 3. Kế hoạch năm 2019

#### a. Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô năm 2019

- Dự báo năm 2019: GDP tăng 6,8%; CPI bình quân khoảng 4%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 34% GDP. Nhu cầu tiêu thụ xi măng năm 2019 tăng 6 - 8% so với năm 2018.

#### Thuận lợi:

- Chính phủ Trung Quốc có chính sách thay đổi để bảo vệ môi trường, tiết kiệm điện, chuyển đổi mục đích ưu tiên trong phát triển kinh tế nên đã tạm thời đóng cửa nhiều nhà máy xi măng.
- Nhằm phát triển ổn định và bền vững thị trường xi măng Việt Nam, Bộ Xây dựng đang thực hiện hoàn thiện Chiến lược phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Bộ Xây dựng đề nghị Bộ Công Thương có chính sách hợp lý trong việc điều chỉnh giá bán các mặt hàng trọng yếu như điện, than, xăng, dầu.

**🚧 Khó khăn:**

- Từ ngày 01/01/2019, tăng thuế bảo vệ môi trường đối với một số mặt hàng xăng dầu.
- Từ ngày 20/03/2019 giá điện tăng 8.36% sẽ gây thêm nhiều trở ngại đối với các doanh nghiệp sản xuất, tăng giá thành sản phẩm, làm giảm lợi thế cạnh tranh trên thị trường
- Ngành xi măng Việt Nam tiếp tục đối mặt tình trạng dư cung.
- Quỹ đất khan hiếm, thủ tục dự án ngày càng siết chặt khiến thị trường bất động sản TP.HCM rơi vào tình trạng thiếu nguồn cung mới nguy cơ làm giảm nhu cầu xi măng cho xây dựng ở khu vực này.

**b. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019**

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế vĩ mô trong nước và xu hướng nhập khẩu xi măng của Thị trường Trung Quốc, chiến lược phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất xây dựng mục tiêu đầy thách thức và quyết tâm cao về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019, như sau:

*i. Mục tiêu sản xuất kinh doanh:*

	Chỉ danh	ĐVT	Mục tiêu năm 2019	Thực hiện 2018	% mục tiêu so năm 2018
<b>I</b>	<b>Mục tiêu tiêu thụ sản phẩm</b>				
	1 Xi măng các loại	Tấn	7.200.000	6.817.469	5,61%
	2 Clinker	Tấn	650.000	552.683	17,61%
	3 Cát tiêu chuẩn	Kg	120.000	100.308	19,63%
<b>II</b>	<b>Mục tiêu tài chính:</b>				
	1 Doanh thu thuần	Tỷ VNĐ	8.927	8.376	6,58%
	2 Lợi nhuận trước thuế	"-	917	806	13,77%

*ii. Các mục tiêu đầu tư xây dựng:*

Chỉ danh	TH 2018		Kế hoạch 2019		+/- so với TH 2018	
	Khối lượng	Thanh toán	Khối lượng	Thanh toán	Khối lượng	Thanh toán
TC	100.566	65.683	129.258	192.283	28.692	126.600
Dự án nhóm A	-	-	-	-	-	-
Dự án nhóm B	53.776	43.794	82.783	129.397	29.007	85.603

*Dvt: triệu đồng*

Chỉ danh	TH 2018		Kế hoạch 2019		+/- so với TH 2018	
	Khối lượng	Thanh toán	Khối lượng	Thanh toán	Khối lượng	Thanh toán
Dự án nhóm C	46.790	21.889	46.475	62.886	(315)	40.997

**Trong đó, mục tiêu trọng tâm là:**

- **Nâng cao năng lực nghiên xi măng tại các nhà máy của Công ty:** theo tiến độ thực hiện năm 2019 – 2020, cụ thể là lập, trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, triển khai kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu chính của dự án, ký hợp đồng mua sắm thiết bị, xây dựng.
- **Phương án di dời Trạm nghiền Thủ Đức:**
  - + Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư 01 dây chuyền sản xuất xi măng: hoàn thành BCNCKT, thẩm tra BCNCKT để trình phê duyệt
  - + Quy hoạch 1/500, chuyển đổi công năng, mục đích sử dụng đất: rà soát, hoàn tất các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất sau khi hoàn tất công tác phá dỡ, di dời.
- **Nhà máy phát điện tận dụng nhiệt thải thừa từ NMBP/NMKL:** Triển khai lập báo cáo đầu tư theo định hướng lựa chọn công nghệ chung cho toàn VICEM.
- Rà soát lại toàn bộ hồ sơ pháp lý các khu đất của Hà Tiên 1 xem xét đề xuất trả lại cơ quan Nhà nước các khu đất không còn hiệu quả trong việc khai thác để giảm chi phí thuê đất hằng năm.

### **iii. Các giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thành mục tiêu năm 2019**

Trong năm 2019, HĐQT tiếp tục chế độ họp định kỳ để chỉ đạo thực hiện các định hướng của nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể thực hiện tốt và linh hoạt các giải pháp bám sát thị trường và đảm bảo tính hiệu quả của công ty. Trong đó, các giải pháp trọng tâm, như sau:

#### **Công tác tiêu thụ**

- Rà soát sắp xếp tối ưu hóa hệ thống phân phối.
- Tối ưu hóa các điểm giao hàng, phân bố lại thị trường theo nguồn nhận, chủng loại, điều kiện xuất hàng nhằm tối đa hóa công suất hoạt động của các NM/TN đồng thời duy trì ổn định tỷ trọng xi măng bao/ rời để tối ưu lợi nhuận. Ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác tiêu thụ.
- Xây dựng và điều tiết chính sách bán hàng, chiết khấu, khuyến mại hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm và linh hoạt ứng biến với thị trường tạo sự đồng thuận của nhà phân phối; tăng cường hoạt động marketing một cách hiệu quả và sáng tạo, tiếp tục khẳng định thương hiệu Vicem Hà Tiên là thương hiệu hàng đầu tại thị trường phía Nam.

#### **Công tác sản xuất**

- Mở rộng khai trường mỏ đá vôi núi Còm, núi Trầu Nhà máy Kiên Lương và áp dụng phương pháp khai thác theo “Blockmodel” nhằm ổn định chất lượng nguyên liệu lò nung, tiết giảm định mức vật tư tiêu hao.
- Xây dựng các chương trình, giải pháp để tiết kiệm tài nguyên. Sử dụng nhiên liệu để thay thế một phần năng lượng đốt và sử dụng các chất thải của các ngành công nghiệp khác, tăng cường sử dụng nguyên liệu thay thế trong sản xuất xi măng.



- Áp dụng các biện pháp kiểm soát các chỉ tiêu vận hành, kiểm soát tốt chất lượng nguyên liệu đầu vào, giảm tối đa hệ số sử dụng clinker. Linh hoạt trong công tác phối liệu, thử nghiệm trợ nghiền, cấp phối, thay đổi thông số vận hành... để tối ưu định mức.
- Tối ưu vận hành, giảm sự cố dừng thiết bị, tăng năng suất thiết bị; bố trí thời gian chạy máy nghiền hợp lý để tránh giờ cao điểm; kiểm tra phát hiện sớm để kịp thời sửa chữa hư hỏng.
- Triển khai áp dụng công nghệ 4.0 cho công đoạn lấy mẫu thí nghiệm, công đoạn sản xuất xi măng theo chương trình chung của VICEM.

#### **Công tác đầu tư xây dựng:**

- Chủ động phối hợp với đơn vị tư vấn làm việc với Tổng Cục địa chất và khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường đẩy nhanh công tác cấp phép khai thác để có cơ sở triển khai các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản mở.
- Tăng cường công tác kiểm soát tiến độ các dự án đầu tư, đảm bảo các dự án đã được thỏa thuận trong kế hoạch 2019 được triển khai đúng tiến độ.
- Kiện toàn ban chỉ đạo di dời Trạm nghiên cứu Thủ Đức để triển khai các bước tiếp theo đảm bảo mục tiêu xác lập nguồn vốn thực hiện việc đầu tư dây chuyền nghiền thay thế cho Trạm nghiên cứu Thủ Đức và một số công việc khác liên quan.

#### **Công tác khác:**

- Tiếp tục rà soát và ban hành lại các quy chế, quy định đảm bảo theo quy định của pháp luật, tạo hành lang thuận lợi trong việc thực hiện công tác sản xuất kinh doanh.

#### **Công tác tổ chức lao động:**

- Hoàn thiện và đưa vào áp dụng hệ thống thang bảng lương mới thay cho hệ thống thang bảng lương hiện hữu đã áp dụng từ năm 2009.
- Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu tổ chức doanh nghiệp theo định hướng chung của VICEM.

#### **Công tác kỹ thuật An toàn & môi trường:**

- Triển khai nhanh các nội dung trong kế hoạch sản xuất bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường đã được VICEM thỏa thuận.
- Thực hiện kế hoạch hành động không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố mất an toàn môi trường trong hoạt động sản xuất của Công ty.

#### **4. Hà Tiên 1 cam kết phát triển xanh và bền vững**

Với mục tiêu sản xuất xanh bền vững và bằng các phương pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất với mục tiêu luôn hướng về cộng đồng, Công ty luôn quan tâm sâu sát đến công tác bảo vệ môi trường, quyết không đánh đổi môi trường lấy lợi nhuận:

- Việc áp dụng Hệ thống quản lý năng lượng theo ISO 50001:2011 đem lại hiệu quả rõ rệt trong việc tiết kiệm năng lượng, vừa tiết kiệm chi phí cho Công ty vừa thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của 01 doanh nghiệp.
- Công ty duy trì công tác vận hành máy móc thiết bị và hệ thống xử lý bụi khí thải ổn định đảm bảo các chỉ số phát thải ra môi trường đều nằm dưới chỉ số quy định theo Quy chuẩn Việt Nam 23. Ngoài ra trong năm 2018, Công ty đã xây dựng chương trình hành động về bảo vệ môi trường trong đó đưa ra nhiều giải pháp nhằm kiểm soát sự ổn định của việc phát thải bụi, NOx ra ngoài môi trường theo chỉ số mục tiêu của riêng Hà Tiên 1 và chỉ số mục tiêu này thấp hơn yêu cầu của QCVN 23/BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, cụ thể:

<b>Đơn vị</b>	<b>Chỉ số mục tiêu</b>	<b>QCVN23 /BTNMT</b>
Nhà máy Bình Phước	Bụi < 64 mg/Nm <sup>3</sup>	Bụi < 80 mg/Nm <sup>3</sup>
	NO <sub>x</sub> < 640 mg/Nm <sup>3</sup>	NO <sub>x</sub> < 800 mg/Nm <sup>3</sup>
Trạm nghiên Long An	Bụi < 100 mg/Nm <sup>3</sup>	Bụi < 120 mg/Nm <sup>3</sup>

- Công ty nghiêm túc thực hiện đầy đủ tất cả các thủ tục giấy phép theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: xin giấy phép nhập khẩu phế liệu, hỗ trợ ý kiến chuyên môn trong việc xin sử dụng phế thải công nghiệp....
- Công ty đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động liên lục đồng bộ và hiện đại có nguồn gốc Châu Âu cho 5 chi nhánh sản xuất nhằm tăng cường việc kiểm soát bụi và khí thải trong quá trình sản xuất.
- Công ty thường xuyên cập nhật danh mục tài liệu pháp luật về lĩnh vực Bảo vệ môi trường để các chi nhánh kịp thời được biết và áp dụng.
- Thực hiện đầy đủ và đúng hạn các hình thức báo cáo cho Tổng công ty và cơ quan chức năng.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Về cơ cấu của HĐQT:**

**Hiện nay, HĐQT gồm 6 thành viên, trong đó:**

- 02 thành viên là các thành viên HĐQT độc lập, chiếm 33,3% số lượng Thành viên Hội đồng quản trị CTy.
- 01 thành viên trực tiếp điều hành Công ty.
- Tất cả 06 thành viên đều có trình độ Đại học và trên Đại học.

### **2. Về kỹ năng của HĐQT:**

- Tất cả các thành viên HĐQT đều là những Nhà lãnh đạo cấp cao của Tổng Công ty hoặc các Công ty, là những Người có đạo đức tốt, sức khỏe đảm bảo, có bề dày kinh nghiệm trong lãnh đạo Doanh nghiệp. Đặc biệt HĐQT là một tập thể có trình độ quản lý và chuyên môn giỏi trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại, đầu tư, tài chính, vận tải.....
- Các thành viên HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đã đề ra các quyết định kịp thời trong năm 2018, tạo điều kiện cho Công ty hoạt động hiệu quả trong bối cảnh thị trường xi măng đang cạnh tranh ngày càng gay gắt. Nhờ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty đã đạt kết quả rất tốt so với mục tiêu đề ra.

### **3. Về phối hợp hoạt động và chấp hành các quy định pháp luật của HĐQT:**

- HĐQT luôn tạo được sự gắn kết cùng nhau, đoàn kết một lòng trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích cổ đông, vì sự phát triển bền vững và ổn định của Vicem Hà Tiên.
- Tất cả các chỉ đạo, điều hành của HĐQT đều được thực hiện theo đúng điều lệ hoạt động của Hà Tiên 1, đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông cũng như theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

### **4. Về phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2019:**

- Đảm bảo hoạt động của HĐQT theo đúng điều lệ hoạt động, đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty và đúng với các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.
- Duy trì các chương trình họp HĐQT mỗi quý một lần để đề ra những quyết sách lớn nhằm thực hiện tốt nhất những mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra.
- Tiếp tục tạo môi trường tốt cho hoạt động của Công ty.
- Chú trọng các hoạt động sản xuất, tiêu thụ, đầu tư; Đẩy mạnh công tác xuất khẩu.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội Đồng Quản Trị

#### a. Thông tin về danh sách Ban điều hành

##### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Ông NGUYỄN TUẤN ANH – Chủ tịch HĐQT - Từ nhiệm từ ngày 25/07/2018**

Năm sinh : 02-11-1971  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Thạc sĩ chuyên ngành Vận tải biển

**Ông NGUYỄN NGỌC ANH – Phó Chủ tịch HĐQT - Thôi HĐQT từ ngày 27/4/2018**

Năm sinh : 02-08-1953  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Hoá Silicat, Kỹ sư điện tử

**Ông PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG – TV HĐQT - Thôi làm TV HĐQT từ ngày 26/4/2018**

Năm sinh : 02-02-1962  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Tài chính Kế toán

**Ông CÁI HỒNG THU – TV HĐQT - Thôi làm TV HĐQT từ ngày 27/4/2018**

Năm sinh : 02-08-1959  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hoá

**Ông MAI VĂN YÊN – TV HĐQT - Thôi làm TV HĐQT từ ngày 27/4/2018**

Năm sinh : 10-10-1959  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hoá Silicat

**Ông PHẠM VĂN THÔNG – TV HĐQT - Thôi làm TV HĐQT từ ngày 27/4/2018**

Năm sinh : 21-12-1962  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện

**Ông TÔ HẢI – TV HĐQT - Thôi làm TV HĐQT từ ngày 27/4/2018**

Năm sinh : 01-12-1973  
Trình độ văn hoá : 12/12

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng

### **Ông NGUYỄN VĂN CHUYỀN – TV HĐQT**

Năm sinh : 18-08-1962

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kinh doanh khai thác vận tải biển

### **Ông LƯU ĐÌNH CƯỜNG – TV HĐQT - Tổng giám đốc Công ty (\*)**

Năm sinh : 25-02-1979

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng

### **Ông LÊ XUÂN KHÔI – TV HĐQT**

Năm sinh : 20-04-1972

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ học vấn : Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp; Cử nhân Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng cơ bản.

### **Ông NGUYỄN QUỐC THẮNG – TV HĐQT**

Năm sinh : 10-01-1972

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ học vấn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

### **Ông NGUYỄN VĂN LẬP – TV HĐQT**

Năm sinh : 16-08-1964

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ học vấn : Kỹ sư hoá Silicat

### **Ông BÙI NGUYỄN QUỲNH – TV HĐQT**

Năm sinh : 22-07-1980

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ học vấn : Cử nhân kinh tế

## **b. Các phiên họp của HĐQT**

Từ sau Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đến nay HĐQT đã tiến hành họp 04 phiên:

### **I. PHIÊN HỌP NGÀY 26/04/2018**

- Thời gian họp: 13h00 ngày 26/04/2018.
- Địa điểm: Hội trường Khách sạn Kim Đô, số 133 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Số thành viên dự họp: 7/7 thành viên.

HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:

- Thống nhất miễn nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 đối với Ông Nguyễn Tuấn Anh kể từ ngày 27/04/2018.
- Thống nhất bầu ông Nguyễn Tuấn Anh giữ chức vụ Chủ Tịch Hội đồng Quản Trị Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 kể từ ngày 27/04/2018.
- Thống nhất giao Chủ Tịch HĐQT có Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Lưu Đình Cường, Thành viên HĐQT Công ty, giữ chức vụ Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 kể từ ngày 27/04/2018, thời hạn bổ nhiệm là 5 năm.

## **II. PHIÊN HỌP NGÀY 25/07/2018:**

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 25/07/2018.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP XMHT1 (360 Bến Chương Dương, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 7/7 thành viên.

HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:

- Thống nhất chấp thuận từ nhiệm chức vụ Chủ Tịch Hội đồng Quản Trị và Thành viên Hội đồng Quản Trị của Ông Nguyễn Tuấn Anh nhiệm kỳ 2018 - 2023, kể từ ngày 25/07/2018.
- Thống nhất giao cho ông Lưu Đình Cường, thành viên HĐQT, tạm thời điều hành HĐQT kể từ ngày 25/07/2018 cho đến khi HĐQT bầu được Chủ tịch HĐQT mới.

## **III. PHIÊN HỌP NGÀY 31/07/2018:**

- Thời gian họp: 14h00 ngày 31/07/2018.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP XMHT1 (360 Bến Chương Dương, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 6/6 thành viên.

HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:

- Thống nhất thông qua nội dung Quy chế quản lý nhân sự của Công ty Cổ phần Xi măng Hà tiên 1.
- Thống nhất thông qua việc hủy bỏ các Quy chế không còn phù hợp: Quy chế Thanh tra, phối hợp thanh tra và phát ngôn trong Công ty; Quy chế kiểm tra, kiểm soát chính sách chế độ tại Công ty.

## **IV. PHIÊN HỌP LẦN THỨ BA MƯƠI TÁM:**

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 26/10/2018.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP XMHT1 (360 Bến Chương Dương, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 6/6 thành viên.

HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:

1. Kết quả SX-KD 9 tháng đầu năm 2018 và dự báo cả năm 2018.

- Thị trường và tiêu thụ 9 tháng đầu năm 2018; Dự báo tình hình SX-KD Quý 4/2018.
- Hoạt động Quản lý sản xuất nổi bật; Các chỉ số Kinh tế - Kỹ thuật riêng; Tình hình thực hiện các định mức Kinh tế - Kỹ thuật tại các cơ sở sản xuất của Công ty 9 tháng đầu năm 2018.
- Tình hình hoạt động của các thiết bị chính; Công tác sửa chữa và đại tu đã thực hiện trong 9 tháng đầu năm 2018 và dự kiến thực hiện trong năm 2018.
- Công tác quản lý chuỗi cung ứng ở các Trạm và nhà máy thuộc Công ty 9 tháng đầu năm 2018.

- Các chỉ số Tài chính 9 tháng đầu năm và dự báo cả năm 2018.

## 2. Công tác Quản lý và XDCCB

- Tiến độ thực hiện di dời Trạm nghiên Thủ đức
- Tình hình thực hiện quyết toán các Dự án đã đầu tư XDCCB xong của Cty. Tình hình triển khai các dự án đầu tư 2018; Đầu tư dây chuyền nghiên xi măng tại NMXM Bình Phước, NMXM Kiên Lương và TN Long An.
- Công tác chuẩn bị thu phí tuyến đường BOT vào Trạm nghiên Phú Hữu. Tình hình hoạt động của Xưởng sản xuất vỏ bao - TN Phú Hữu và Bộ phận sản xuất gạch không nung Xưởng Gạch-Cát thuộc TN Long An.

### c. Các nghị quyết và quy chế đã phê duyệt của HĐQT

- Tất cả các thành viên HĐQT CTy CP XMHT1 đã chuẩn thuận phê duyệt ban hành và ban hành lại tổng cộng 05 Quy chế, cụ thể:

Số Nghị quyết	Ngày	Quy chế
15/07/2018/QĐ-HĐQT	31/07/2018	Quy chế quản lý nhân sự
07/09/2018/NQ-HĐQT	24/09/2018	Sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý mua sắm hàng hóa và dịch vụ thuê ngoài
03/10/2018/NQ-HĐQT	26/10/2018	Quy chế tổ chức và hoạt động của BQLDA XMHT1
01/12/2018/NQ-HĐQT	07/12/2018	Quy chế văn thư lưu trữ
06/12/2018/NQ-HĐQT	28/12/2018	Quy chế tuyển dụng đào tạo

- Tất cả các thành viên HĐQT đã thống nhất thông qua tổng cộng 59 Nghị quyết, chi tiết được ghi trong phụ lục 1 đính kèm.

## 2. Ban Kiểm Soát

- Thành viên Ban Kiểm soát

### **BAN KIỂM SOÁT**

**Ông PHẠM ĐỨC TRUNG – Trưởng Ban kiểm soát – Thôi làm Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 26/4/2018**

Năm sinh : 02-05-1968  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ học vấn : Cử nhân Kinh tế

**Bà HUỲNH THỊ NHƯ TRÂN – Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 26/4/2018 - Từ nhiệm từ ngày 01/06/2018**

Năm sinh : 06-05-1980  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ học vấn : Thạc sĩ tài chính, Thạc sĩ quản trị kinh doanh

**Bà TRẦN THỊ BÍCH THỦY – Thành viên Ban kiểm soát**

Năm sinh : 27-09-1978  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ học vấn : Thạc sĩ chuyên ngành quản trị kinh doanh  
Chứng nhận Kế toán quản trị doanh nghiệp

**Bà NGUYỄN THỊ TỔ NGA – Thành viên Ban kiểm soát**

Năm sinh : 27-09-1976  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ học vấn : Chứng chỉ Kế toán tài chính

**b. Hoạt động của Ban Kiểm soát**

Các công tác đã thực hiện năm 2018 của Ban kiểm soát

- Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty khi được mời;
- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty trong năm, cụ thể:
  - Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành;
  - Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty khi được đề nghị;
  - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đối với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành;
  - Thẩm tra Báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra;
  - Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật;
- Phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:
  - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty;
  - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty 6 tháng và cả năm;

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký**

**a. Hội đồng quản trị & Thư ký :**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 8.000.000 đ/tháng



- Phó chủ tịch hội đồng quản trị : 6.000.000 đ/tháng
- Các thành viên Hội đồng quản trị : 6.000.000 đ/tháng
- Thư ký Hội đồng quản trị : 4.000.000 đ/tháng

b. Ban kiểm soát:

- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách : hưởng lương theo Quy chế trả lương của Công ty
- Các thành viên Ban kiểm soát : 4.000.000 đ/tháng

Mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện chi trả hàng tháng cố định theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, cụ thể trong năm 2018 chi thù lao từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 như sau :

- Hội Đồng Quản Trị & Thư ký : 488.000.000đ/năm
- Ban kiểm soát : 113.000.000đ/năm

**4. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:**

Không có.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

# **Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



# Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 44

# Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty"), trước đây là Công ty Xi măng Hà Tiên 1, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định Thành lập số 441/BXD-TCLD do Bộ Xây dựng cấp ngày 30 tháng 9 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102955 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 9 tháng 10 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2006.

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1774/QĐ-BXD do Bộ Xây dựng cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 4103005941 vào ngày 18 tháng 1 năm 2007, và theo các GCNĐKKD/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh như sau:

GCNĐKKD/GCNĐKDN điều chỉnh số:

Ngày:

Từ điều chỉnh lần thứ nhất đến điều chỉnh lần thứ mười một  
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười hai  
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười ba  
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười bốn  
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười lăm

Từ ngày 2 tháng 4 năm 2007  
đến ngày 20 tháng 11 năm 2013  
Ngày 12 tháng 2 năm 2014  
Ngày 29 tháng 4 năm 2014  
Ngày 8 tháng 12 năm 2016  
Ngày 4 tháng 5 năm 2018

Vào ngày 30 tháng 4 năm 2010, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD lần đầu số 5603000124 ngày 1 tháng 2 năm 2008 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ hai số 1710101407 ngày 18 tháng 11 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, đã được sáp nhập vào Công ty. Việc sáp nhập này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ sáu ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 136/QĐ-SGDCK do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất và mua bán xi măng và các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư xây dựng; xây dựng dân dụng; kinh doanh bất động sản (cho thuê văn phòng); khai thác đá, cát, sỏi, và đất sét; và thu gom, xử lý rác thải, tái chế phế liệu.

Công ty có trụ sở chính tại số 360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Thủ Đức tại Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy Xi măng Bình Phước tại Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước;
- Trạm nghiền Long An tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An;
- Nhà máy Xi măng Kiên Lương tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang;
- Trạm nghiền Cam Ranh tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa; và
- Xí nghiệp Quản lý đường B.O.T Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

# Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2018 bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lưu Đình Cường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Xuân Khôi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Thắng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Lập	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Chuyên	Thành viên	
Ông Tô Hải	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Văn Thông	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Mai Văn Yên	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Huỳnh Thị Như Trân	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2018 bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Đức Trung	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Trần Thị Bích Thủy	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tố Nga	Thành viên	
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2018

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Đình Cường	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Văn Yên	Phó Tổng Giám đốc	

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Lưu Đình Cường	từ ngày 27 tháng 4 năm 2018 đến ngày lập báo cáo này
Ông Nguyễn Tuấn Anh	từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 27 tháng 4 năm 2018

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Lưu Đình Cường  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Số tham chiếu: 60933836/20264813-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 28 tháng 2 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1772-2018-004-1



Trần Thanh Thúy  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3076-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.923.164.700.437</b>	<b>1.723.084.516.831</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>776.301.677.799</b>	<b>347.226.460.747</b>
111	1. Tiền		774.223.412.779	333.889.278.235
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.078.265.020	13.337.182.512
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>10.303.297.302</b>	<b>37.390.922</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	804.151	57.792.006
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	-	(20.401.084)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	10.302.493.151	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>453.240.787.841</b>	<b>525.846.193.786</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	336.078.834.430	426.795.544.158
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	37.594.114.044	30.554.663.911
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	79.334.308.786	68.325.751.058
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(1.023.695.896)	(1.023.695.896)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		1.257.226.477	1.193.930.555
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>654.189.320.578</b>	<b>831.690.376.784</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	684.701.032.516	862.430.063.763
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(30.511.711.938)	(30.739.686.979)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>29.129.616.917</b>	<b>18.284.094.592</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	4.906.350.667	5.170.090.474
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		24.065.200.996	12.925.227.118
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		158.065.254	188.777.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

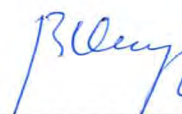
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.707.884.215.346</b>	<b>9.356.491.080.896</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>11.739.437.393</b>	<b>11.049.895.574</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	11.739.437.393	11.049.895.574
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>7.478.793.925.620</b>	<b>8.149.184.589.533</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	7.375.898.926.627	8.041.693.352.081
222	Nguyên giá		13.534.697.775.872	13.477.157.399.930
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.158.798.849.245)	(5.435.464.047.849)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	102.894.998.993	107.491.237.452
228	Nguyên giá		131.055.206.083	130.631.646.083
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(28.160.207.090)	(23.140.408.631)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>989.568.592.749</b>	<b>957.036.498.919</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	989.568.592.749	957.036.498.919
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>5.3</b>	<b>26.644.100.000</b>	<b>39.749.100.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		-	10.200.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		56.000.000.000	56.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(29.355.900.000)	(26.450.900.000)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>201.138.159.584</b>	<b>199.470.996.870</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	88.980.304.016	93.013.807.671
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	5.112.768.042	2.430.401.050
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		106.777.250.048	103.725.470.987
269	4. Lợi thế thương mại		267.837.478	301.317.162
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>10.631.048.915.783</b>	<b>11.079.575.597.727</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.453.967.587.768</b>	<b>5.890.432.286.138</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.727.352.439.517</b>	<b>3.248.547.020.239</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	1.108.485.657.395	784.647.070.220
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	50.141.746.865	42.081.540.536
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	87.881.036.943	56.493.344.399
314	4. Phải trả người lao động		125.623.545.512	85.240.819.543
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	56.202.053.768	71.321.697.278
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	111.165.348.781	104.338.974.322
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	20.032.824.200	24.129.239.640
320	8. Vay ngắn hạn	18	2.119.845.367.608	1.984.151.301.470
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	11.739.951.455	4.110.304.363
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	36.234.906.990	92.032.728.468
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.726.615.148.251</b>	<b>2.641.885.265.899</b>
338	1. Vay dài hạn	18	1.719.005.139.465	2.635.121.466.692
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	7.610.008.786	6.763.799.207
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>5.177.081.328.015</b>	<b>5.189.143.311.589</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>5.177.081.328.015</b>	<b>5.189.143.311.589</b>
411	1. Vốn cổ phần	21.1	3.815.899.110.000	3.815.899.110.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.815.899.110.000	3.815.899.110.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	70.790.410.045	70.790.410.045
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	21.1	-	5.517.214.120
415	4. Cổ phiếu quỹ	21.1	(902.752.100)	(902.752.100)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	519.682.709.128	366.706.495.008
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	763.350.276.147	922.915.352.519
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		121.953.486.019	435.323.163.900
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		641.396.790.128	487.592.188.619
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21.3	8.261.574.795	8.217.481.997
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>10.631.048.915.783</b>	<b>11.079.575.597.727</b>

  
Nguyễn Thị Loan  
Người lập

  
Bùi Nguyên Quỳnh  
Kế toán trưởng



  
Lưu Đình Cường  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	8.878.307.231.969	8.850.850.245.919
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(501.870.279.526)	(641.893.471.300)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	8.376.436.952.443	8.208.956.774.619
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(6.973.291.227.574)	(6.865.886.954.441)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.403.145.724.869	1.343.069.820.178
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	31.829.854.160	17.491.721.007
22	7. Chi phí tài chính	25	(313.557.683.979)	(477.312.477.594)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(275.657.706.840)	(311.657.116.852)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		-	438.088.771
25	9. Chi phí bán hàng	24	(135.430.576.934)	(123.086.610.651)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(187.659.992.197)	(192.224.989.602)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		798.327.325.919	568.375.552.109
31	12. Thu nhập khác	26	8.901.167.449	32.199.089.870
32	13. Chi phí khác	26	(1.293.976.038)	(231.886.540)
40	14. Lợi nhuận khác		7.607.191.411	31.967.203.330
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		805.934.517.330	600.342.755.439
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(167.176.001.396)	(109.727.818.855)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	28.1	2.682.366.992	(4.691.763.895)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		641.440.882.926	485.923.172.689
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		641.396.790.128	487.592.188.619
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		44.092.798	(1.669.015.930)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.681	1.278
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	1.681	1.278



Nguyễn Thị Loan  
Người lập

  
Bùi Nguyên Quỳnh  
Kế toán trưởng

  
Lưu Đình Cường  
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>805.934.517.330</b>	<b>600.342.755.439</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		728.230.682.314	719.080.558.675
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		11.132.480.546	(20.067.004.906)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		(491.564.360)	118.624.215.262
05	tiền tệ có gốc ngoại tệ		(15.226.283.090)	(30.862.280.873)
06	Lãi từ hoạt động đầu tư	25	275.657.706.840	311.657.116.852
	Chi phí lãi vay			
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.805.237.539.580</b>	<b>1.698.775.360.449</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		60.806.601.994	(69.244.177.207)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		174.677.252.186	(21.186.157.409)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		372.244.728.115	(181.144.143.254)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		4.297.243.462	(662.534.748)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		56.987.855	10.718.499.408
14	Tiền lãi vay đã trả	14	(284.228.302.929)	(318.730.887.554)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(138.646.665.725)	(117.287.587.342)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		100.000.000	15.685.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(138.609.529.843)	(76.386.392.526)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.855.935.854.695</b>	<b>924.867.664.817</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(90.579.229.773)	(87.643.539.009)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	22.520.428.823
23	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		(10.302.493.151)	
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	14.595.023.122
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.200.000.000	-
27	Tiền thu lãi và cổ tức được chia		15.226.283.090	15.227.973.173
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(75.455.439.834)</b>	<b>(35.300.113.891)</b>

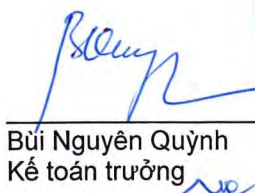
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	18	3.197.435.949.182	3.033.453.480.494
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(3.977.039.647.613)	(3.681.210.623.055)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(571.467.610.625)	(380.670.372.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(1.351.071.309.056)</b>	<b>(1.028.427.514.561)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>429.409.105.805</b>	<b>(138.859.963.635)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>347.226.460.747</b>	<b>486.088.026.256</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(333.888.753)	(1.601.874)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>776.301.677.799</b>	<b>347.226.460.747</b>



Nguyễn Thị Loan  
Người lập



Bùi Nguyên Quỳnh  
Kế toán trưởng



  
Lưu Đình Cường  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty"), trước đây là Công ty Xi măng Hà Tiên 1, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định Thành lập số 441/BXD-TCLD do Bộ Xây dựng cấp ngày 30 tháng 9 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102955 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 9 tháng 10 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2006.

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1774/QĐ-BXD do Bộ Xây dựng cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 4103005941 vào ngày 18 tháng 1 năm 2007, và theo các GCNĐKKD, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh như sau:

GCNĐKKD/GCNĐKDN điều chỉnh số:

Ngày:

Từ điều chỉnh lần thứ nhất đến điều chỉnh lần thứ mười một  
 0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười hai  
 0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười ba  
 0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười bốn  
 0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười lăm

Từ ngày 2 tháng 4 năm 2007  
 đến ngày 20 tháng 11 năm 2013  
 Ngày 12 tháng 2 năm 2014  
 Ngày 29 tháng 4 năm 2014  
 Ngày 8 tháng 12 năm 2016  
 Ngày 4 tháng 5 năm 2018

Vào ngày 30 tháng 4 năm 2010, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD lần đầu số 5603000124 ngày 1 tháng 2 năm 2008 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ hai số 1710101407 ngày 18 tháng 11 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, được sáp nhập vào Công ty. Việc sáp nhập này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ sáu ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 136/QĐ-SGDCK do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất và mua bán xi măng và các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư xây dựng; xây dựng dân dụng; kinh doanh bất động sản (cho thuê văn phòng); khai thác đá, cát, sỏi, và đất sét; và thu gom, xử lý rác thải, tái chế phế liệu.

Công ty có trụ sở chính tại số 360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Thủ Đức tại Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy Xi măng Bình Phước tại Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước;
- Trạm nghiền Long An tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An;
- Nhà máy Xi măng Kiên Lương tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang;
- Trạm nghiền Cam Ranh tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa; và
- Xí nghiệp Quản lý đường B.O.T Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, hoạt động sản xuất tại Trạm nghiền Thủ Đức đã được ngừng và Công ty đang thực hiện việc di dời theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có một (1) công ty con như sau:

**Công ty con**

*Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ ("Trường Thọ")*

Trường Thọ là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo GCNĐKKD số 0313888915 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 6 năm 2016 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Trường Thọ có trụ sở chính được đăng ký tại Lầu 16, Tòa nhà Sailing, Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty sở hữu 65% vốn chủ sở hữu trong Trường Thọ.

Số lượng công nhân viên của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.513 (31 tháng 12 năm 2017: 2.587).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Nhóm Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                                |   |   |
|--------------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu                | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và sản phẩm dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Hàng tồn kho bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất được mua hoặc thuê bởi Nhóm Công ty. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được xác định là có thời hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng có thời hạn, chủ yếu bao gồm tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê, trong khi các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn thì không được phân bổ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Chương trình phần mềm	3 - 8 năm
Bản quyền	3 - 8 năm
Tài sản khác	5 - 25 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng, hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Nhóm Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Nhóm Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại, sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.16 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu đối với giao dịch bán hàng theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống*

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị hợp lý của hàng hóa phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng khi:

- Đến hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định của chương trình và không được hưởng hàng hóa miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá; hoặc
- Người mua đạt được đủ điều kiện theo quy định của chương trình và Nhóm Công ty đã thực hiện xong nghĩa vụ.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành*

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.19 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng và các sản phẩm liên quan đến xi măng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	272.911.460	175.994.493
Tiền gửi ngân hàng	773.950.501.319	333.713.283.742
Các khoản tương đương tiền	2.078.265.020	13.337.182.512
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>776.301.677.799</u></b>	<b><u>347.226.460.747</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất áp dụng cho Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**5.1 Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh thể hiện các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty niêm yết. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	388.299	-	388.299	388.299	-	388.299
Các khoản đầu tư khác	415.852	-	415.852	57.403.707	(20.401.084)	37.002.623	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>804.151</b>	<b>-</b>	<b>804.151</b>	<b>57.792.006</b>	<b>(20.401.084)</b>	<b>37.390.922</b>	

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc là sáu (6) tháng và hưởng lãi suất áp dụng cho Nhóm Công ty.

**5.3. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu/ Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu/ Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết (*)</b>		-		<b>10.200.000.000</b>
Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô tô		-	24,00%	10.200.000.000
<b>Đầu tư vào các công ty khác (**)</b>	<b>3.010.000</b>	<b>26.644.100.000</b>	<b>3.010.000</b>	<b>29.549.100.000</b>
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.310.000	42.000.000.000	2.310.000	42.000.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	700.000	14.000.000.000	700.000	14.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty khác		(29.355.900.000)		(26.450.900.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>26.644.100.000</b>		<b>39.749.100.000</b>

(\*) Vào ngày 23 tháng 1 năm 2018, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 24% vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô tô.

(\*\*) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào cổ phiếu của các công ty niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	335.267.565.030	405.217.760.507
- Công ty Cổ phần Siêu thị Vật liệu Xây dựng Thế giới Nhà	99.736.707.637	-
- Công ty TNHH Hòa Thành Tiến	35.845.086.455	21.920.695.000
- Văn phòng điều phối Chương trình Mục tiêu Quốc Gia Xây dựng Nông thôn mới Tỉnh Bình Phước	21.496.375.000	32.301.750.000
- Công ty TNHH Tân Xuân Anh	20.030.462.049	188.482.179.759
- Khách hàng khác	158.158.933.889	162.513.135.748
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	811.269.400	21.577.783.651
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>336.078.834.430</b>	<b>426.795.544.158</b>

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	36.950.533.044	30.032.060.411
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thiết bị và Công nghệ	9.900.000.000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Môi trường Việt An	7.986.652.750	-
- Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	453.499.200	4.060.871.454
- Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Sài Gòn	-	11.263.824.000
- Người bán khác	18.610.381.094	14.707.364.957
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	643.581.000	522.603.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.594.114.044</b>	<b>30.554.663.911</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>79.334.308.786</b>	<b>68.325.751.058</b>
Tiền chi hỗ trợ người lao động nghỉ việc do di dời Trạm nghiên Thủ Đức	27.544.997.000	27.544.997.000
Cho bên liên quan mượn nguyên vật liệu (Thuyết minh số 29)	26.788.480.235	14.037.745.400
Phải thu bồi thường từ công ty bảo hiểm	6.439.920.872	14.826.360.179
Phải thu khác	18.560.910.679	11.916.648.479
<b>Dài hạn</b>	<b>11.739.437.393</b>	<b>11.049.895.574</b>
Ký quỹ, ký cược	11.739.437.393	11.049.895.574
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91.073.746.179</b>	<b>79.375.646.632</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(1.023.695.896)	(1.023.695.896)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>90.050.050.283</b>	<b>78.351.950.736</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	282.578.895.723	-	392.151.322.562	-
Nguyên vật liệu	307.481.215.873	(30.511.711.938)	363.987.178.590	(30.739.686.979)
Hàng mua đang đi đường	77.235.916.988	-	86.825.170.911	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	13.670.974.643	-	15.862.804.475	-
Công cụ, dụng cụ	3.734.029.289	-	2.210.510.739	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.393.076.486	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>684.701.032.516</u></b>	<b><u>(30.511.711.938)</u></b>	<b><u>862.430.063.763</u></b>	<b><u>(30.739.686.979)</u></b>

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, bao gồm trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị của hàng tồn kho bất động sản với số tiền là 8.491.960.952 VND.

**Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(30.739.686.979)	(30.834.348.904)
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	227.975.041	94.661.925
Số cuối năm	<u>(30.511.711.938)</u>	<u>(30.739.686.979)</u>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.906.350.667</b>	<b>5.170.090.474</b>
Chi phí bảo hiểm trả trước	4.713.774.834	5.102.043.474
Khác	192.575.833	68.047.000
<b>Dài hạn</b>	<b>88.980.304.016</b>	<b>93.013.807.671</b>
Chi phí giải phóng mặt bằng (*)	53.012.149.773	54.555.877.851
Chi phí bốc tâng phủ	23.055.278.784	31.302.380.808
Khác	12.912.875.459	7.155.549.012
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>93.886.654.683</u></b>	<b><u>98.183.898.145</u></b>

(\*) Đã được Nhóm Công ty thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND					
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	3.490.756.073.962	8.919.151.085.081	329.383.375.709	40.407.501.012	697.459.364.166	13.477.157.399.930
Mua mới trong năm	4.593.301.690	31.822.482.728	347.165.455	366.914.000	-	37.129.863.873
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.045.471.596	13.445.586.921	-	-	-	20.491.058.517
Giảm khác	-	(80.546.448)	-	-	-	(80.546.448)
Số cuối năm	<u>3.502.394.847.248</u>	<u>8.964.338.608.282</u>	<u>329.730.541.164</u>	<u>40.774.415.012</u>	<u>697.459.364.166</u>	<u>13.534.697.775.872</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	126.662.858.625	930.181.180.548	95.773.855.692	18.873.692.428	40.671.003.074	1.212.162.590.367
Chờ thanh lý	825.472.797	488.766.498	2.200.000.000	58.701.240	-	3.572.940.535
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Số đầu năm	1.230.185.806.348	3.698.439.461.106	222.536.446.532	27.944.149.951	256.358.183.912	5.435.464.047.849
Khấu hao trong năm	131.290.256.906	526.194.583.673	35.309.109.329	4.530.212.957	26.010.638.531	723.334.801.396
Số cuối năm	<u>1.361.476.063.254</u>	<u>4.224.634.044.779</u>	<u>257.845.555.861</u>	<u>32.474.362.908</u>	<u>282.368.822.443</u>	<u>6.158.798.849.245</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	<u>2.260.570.267.614</u>	<u>5.220.711.623.975</u>	<u>106.846.929.177</u>	<u>12.463.351.061</u>	<u>441.101.180.254</u>	<u>8.041.693.352.081</u>
Số cuối năm	<u>2.140.918.783.994</u>	<u>4.739.704.563.503</u>	<u>71.884.985.303</u>	<u>8.300.052.104</u>	<u>415.090.541.723</u>	<u>7.375.898.926.627</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	-	91.440.086	-	-	-	91.440.086

Nhóm Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bản quyền</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	102.202.954.505	3.247.354.120	25.181.337.458	130.631.646.083
Mua mới trong năm	-	-	423.560.000	423.560.000
Số cuối năm	<u>102.202.954.505</u>	<u>3.247.354.120</u>	<u>25.604.897.458</u>	<u>131.055.206.083</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.789.508.560	3.247.354.120	5.093.145.778	10.130.008.458
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	6.077.297.850	3.247.354.120	13.815.756.661	23.140.408.631
Hao mòn trong năm	519.964.395	-	4.499.834.064	5.019.798.459
Số cuối năm	<u>6.597.262.245</u>	<u>3.247.354.120</u>	<u>18.315.590.725</u>	<u>28.160.207.090</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>96.125.656.655</u>	-	<u>11.365.580.797</u>	<u>107.491.237.452</u>
Số cuối năm	<u>95.605.692.260</u>	-	<u>7.289.306.733</u>	<u>102.894.998.993</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án đường bộ B.O.T Phú Hữu (*)	542.192.583.968	531.736.757.897
Các dự án tại Bình Phước	362.758.450.076	316.855.500.597
Các dự án tại Kiên Lương	71.944.146.197	74.665.894.137
Khác	12.673.412.508	33.778.346.288
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>989.568.592.749</u></b>	<b><u>957.036.498.919</u></b>

(\*) - Nhóm Công ty đã thế chấp một phần chi phí dự án cho các khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 18).

- Chi phí lãi vay phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.454.804.071 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 13.996.306.165 VND).

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	898.014.309.585	898.014.309.585	610.329.116.274	610.329.116.274
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	<u>210.471.347.810</u>	<u>210.471.347.810</u>	<u>174.317.953.946</u>	<u>174.317.953.946</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.108.485.657.395</u></b>	<b><u>1.108.485.657.395</u></b>	<b><u>784.647.070.220</u></b>	<b><u>784.647.070.220</u></b>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất Vôi Thương mại Dịch vụ Thống Nhất	5.083.631.044	5.072.041.760
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Toàn	4.360.180.965	5.785.383.090
Every Bright Rich Trading Company Ltd	4.261.162.500	2.286.144.000
Người bán khác	<u>36.436.772.356</u>	<u>28.937.971.686</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>50.141.746.865</u></b>	<b><u>42.081.540.536</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.897.500.519	167.176.001.396	(138.646.665.725)	56.426.836.190
Thuế giá trị gia tăng	16.000.104.645	286.817.200.121	(284.311.140.630)	18.506.164.136
Thuế thu nhập cá nhân	5.954.995.714	23.920.354.467	(24.811.320.724)	5.064.029.457
Thuế tài nguyên	4.396.782.359	51.846.410.396	(51.433.858.102)	4.809.334.653
Thuế xuất, nhập khẩu	292.790.641	5.009.844.128	(5.302.634.769)	-
Thuế, phí khác	1.951.170.521	60.980.289.831	(59.856.787.845)	3.074.672.507
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>56.493.344.399</u></b>	<b><u>595.750.100.339</u></b>	<b><u>(564.362.407.795)</u></b>	<b><u>87.881.036.943</u></b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	53.537.337.978	62.191.134.068
Khác	2.664.715.790	9.130.563.210
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>56.202.053.768</u></b>	<b><u>71.321.697.278</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	55.582.099.717	71.011.720.253
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	619.954.051	309.977.025

**16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn chủ yếu thể hiện khoản doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ chương trình khách hàng truyền thống.

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	5.874.141.175	5.028.885.300
Tạm ứng bồi thường bảo hiểm	4.338.000.000	440.000.000
Tài sản thừa chờ xử lý	1.740.375.928	2.542.036.386
Kinh phí công đoàn phải nộp	1.348.785.388	1.351.093.384
Chi phí tài trợ giáo dục	-	7.499.975.711
Khác	6.731.521.709	7.267.248.859
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.032.824.200</u></b>	<b><u>24.129.239.640</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>2.119.845.367.608</b>	<b>1.984.151.301.470</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	1.359.818.352.344	1.111.226.892.157
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	760.027.015.264	870.224.409.313
Vay dài hạn bên khác đến hạn trả	-	2.700.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.719.005.139.465</b>	<b>2.635.121.466.692</b>
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	1.701.436.565.858	2.576.264.884.219
Vay dài hạn bên khác	-	41.288.008.866
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 18.3)	17.568.573.607	17.568.573.607
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.838.850.507.073</u></b>	<b><u>4.619.272.768.162</u></b>

*Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:*

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	1.984.151.301.470	2.635.121.466.692
Tiền thu từ đi vay	3.197.435.949.182	-
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	895.475.260.078	(895.475.260.078)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(3.956.751.638.747)	(20.288.008.866)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ có gốc ngoại tệ	(465.504.375)	(353.058.283)
Số cuối năm	<u>2.119.845.367.608</u>	<u>1.719.005.139.465</u>
Số có khả năng trả nợ	2.119.845.367.608	1.719.005.139.465

**18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Nhóm Công ty nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất theo lãi suất thỏa thuận. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

	VND
	Số cuối năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank") – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**)	619.976.867.003
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)	595.041.076.606
Vietinbank – Chi nhánh Kiên Giang (*)	144.800.408.735
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.359.818.352.344</u></b>

(\*) Các khoản vay ngắn hạn này có cùng tài sản thế chấp với các khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 18.2); và

(\*\*) Đây là các khoản vay ngắn hạn tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.2 Vay dài hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn
<b>BIDV – Chi nhánh Sở Giao dịch II (i)</b>		
Khoản vay số 1	55.631.249.987	Ngày 15 tháng 8 năm 2021
Khoản vay số 2	67.368.750.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2021
Khoản vay số 3	54.400.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2022
Khoản vay số 4	75.820.589.774	Ngày 22 tháng 6 năm 2020
<b>Vay hợp vốn của 9 chi nhánh ngân hàng thương mại do BIDV - Sở Giao dịch II làm đầu mối (ii)</b>	1.255.933.888.973	Ngày 26 tháng 12 năm 2021
<b>Ngân hàng Société Générale (iii)</b>		
Khoản vay số 1	37.018.409.594	Ngày 7 tháng 11 năm 2019
Khoản vay số 2	138.455.202.372	Ngày 7 tháng 11 năm 2019
Khoản vay số 3	103.827.134.117	Ngày 28 tháng 2 năm 2020
Khoản vay số 4	52.942.916.019	Ngày 26 tháng 2 năm 2020
<b>Vietinbank - Chi nhánh Kiên Giang (iv)</b>		
Khoản vay số 1	153.760.701.966	Ngày 7 tháng 12 năm 2020
Khoản vay số 2	94.691.561.996	Ngày 7 tháng 12 năm 2020
<b>Ngân hàng Crédit Agricole Corporate and Investment (v)</b>		
Khoản vay số 1	249.398.103.201	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Khoản vay số 2	79.543.701.752	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Vay hợp vốn của 2 chi nhánh ngân hàng thương mại do BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa làm đầu mối (vi)</b>		
Khoản vay số 1	19.832.763.008	Ngày 25 tháng 4 năm 2020
Khoản vay số 2	22.838.608.363	Ngày 25 tháng 4 năm 2020
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.461.463.581.122</u></b>	
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	760.027.015.264	
Vay dài hạn	1.701.436.565.858	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

- (i) Mục đích của khoản vay số 1, 2 và 3 nhằm tài trợ việc xây dựng Trạm nghiền Phú Hữu tọa lạc tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án này là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 18 năm với lãi suất thỏa thuận.  
  
Mục đích của khoản vay số 4 nhằm tài trợ chi phí đầu tư dự án đường bộ Phú Hữu B.O.T. Thời gian vay là 5 năm với lãi suất thỏa thuận. Nhóm Công ty đã thế chấp quyền thừa kế chủ đầu tư đường bộ Phú Hữu B.O.T (bao gồm quyền thu phí) và các quyền tài sản khác phát sinh từ dự án đường bộ Phú Hữu B.O.T; thế chấp, cầm cố tài sản của Nhóm Công ty và tài sản được hình thành từ vốn vay của dự án đường bộ Phú Hữu B.O.T.
- (ii) Mục đích của khoản vay này nhằm tài trợ việc xây dựng Nhà máy Xi măng Bình Phước và Trạm nghiền Phú Hữu, lần lượt tọa lạc tại Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước và tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 18 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (iii) Mục đích của khoản vay này nhằm tài trợ gói thiết bị số 1 của Dự án Nhà máy Xi măng Bình Phước. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính. Thời hạn vay là 13 năm với lãi suất EURIBOR 6 tháng và LIBOR 6 tháng cộng lãi suất biên.
- (iv) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ cho Dự án Hà Tiên 2.2 tọa lạc tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang. Tài sản thế chấp cho các khoản vay này là quyền sử dụng đất thuê với diện tích 7.243.385 m<sup>2</sup>, tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang. Thời hạn vay là 13 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (v) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ việc xây dựng Dự án Hà Tiên 2.2. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính. Thời hạn vay là 13 năm với lãi suất EURIBOR 6 tháng cộng lãi suất biên.
- (vi) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ việc tiếp nhận Dự án Trạm nghiền Cam Ranh tọa lạc tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 10 năm với lãi suất thỏa thuận.

**18.3 Vay dài hạn bên liên quan**

<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
<i>VND</i>	

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam     17.568.573.607     Ngày 25 tháng 4 năm 2020

Đây là khoản vay tín chấp dùng để tài trợ việc xây dựng Dự án Trạm nghiền Cam Ranh. Thời gian vay là 10 năm với lãi suất thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.739.951.455</b>	<b>4.110.304.363</b>
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	11.739.951.455	4.110.304.363
<b>Dài hạn</b>	<b>7.610.008.786</b>	<b>6.763.799.207</b>
Phí phục hồi môi trường	7.610.008.786	6.763.799.207
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.349.960.241</u></b>	<b><u>10.874.103.570</u></b>

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	92.032.728.468	48.721.435.994
Trích lập quỹ	82.922.105.841	119.682.000.000
Sử dụng quỹ	<u>(138.719.927.319)</u>	<u>(76.370.707.526)</u>
Số cuối năm	<b><u>36.234.906.990</u></b>	<b><u>92.032.728.468</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>							
Số đầu năm	3.815.899.110.000	70.790.410.045	5.517.214.120	(902.752.100)	231.918.495.008	1.071.335.074.900	5.194.557.551.973
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(381.541.911.000)	(381.541.911.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	487.592.188.619	487.592.188.619
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	134.788.000.000	(254.470.000.000)	(119.682.000.000)
Số cuối năm	<u>3.815.899.110.000</u>	<u>70.790.410.045</u>	<u>5.517.214.120</u>	<u>(902.752.100)</u>	<u>366.706.495.008</u>	<u>922.915.352.519</u>	<u>5.180.925.829.592</u>
<b>Năm nay</b>							
Số đầu năm	3.815.899.110.000	70.790.410.045	5.517.214.120	(902.752.100)	366.706.495.008	922.915.352.519	5.180.925.829.592
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	-	(572.312.866.500)	(572.312.866.500)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	641.396.790.128	641.396.790.128
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	147.459.000.000	(228.649.000.000)	(81.190.000.000)
Điều chuyển quỹ	-	-	(5.517.214.120)	-	5.517.214.120	-	-
Số cuối năm	<u>3.815.899.110.000</u>	<u>70.790.410.045</u>	<u>-</u>	<u>(902.752.100)</u>	<u>519.682.709.128</u>	<u>763.350.276.147</u>	<u>5.168.819.753.220</u>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết số 09/09/NQ-HĐQT/2018 của Hội đồng Quản trị ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông và ngày thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu, Hội đồng Quản trị công bố chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ là 15%/cổ phiếu và ngày chốt danh sách cổ đông là 11 tháng 10 năm 2018. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức cho các cổ đông theo thông báo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>381.589.911</b>	<b>3.815.899.110.000</b>	<b>381.589.911</b>	<b>3.815.899.110.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b> <i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	381.589.911	3.815.899.110.000	381.589.911	3.815.899.110.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	48.000	480.000.000	48.000	480.000.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	381.541.911	3.815.419.110.000	381.541.911	3.815.419.110.000

**21.3 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

	VND
	Năm nay
Số đầu năm	8.217.481.997
Lợi nhuận thuần trong năm	44.092.798
Số cuối năm	<u>8.261.574.795</u>

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>8.878.307.231.969</b>	<b>8.850.850.245.919</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Xi măng, clinker</i>	8.855.611.503.627	8.818.373.747.982
<i>Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát, vật liệu phụ và các dịch vụ</i>	22.695.728.342	32.476.497.937
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(501.870.279.526)</b>	<b>(641.893.471.300)</b>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<u>(501.870.279.526)</u>	<u>(641.893.471.300)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>8.376.436.952.443</b>	<b>8.208.956.774.619</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Xi măng, clinker</i>	8.353.741.224.101	8.176.480.276.682
<i>Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát, vật liệu phụ và các dịch vụ</i>	22.695.728.342	32.476.497.937
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với bên khác</i>	8.315.745.971.024	8.175.058.491.941
<i>Doanh thu với bên liên quan</i>	60.690.981.419	33.898.282.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU (tiếp theo)**

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.727.275.890	11.486.312.654
Chiết khấu thanh toán được hưởng	7.842.887.962	2.335.624.095
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.560.683.108	1.170.776.658
Thu nhập từ cổ tức	2.499.007.200	2.499.007.600
Lãi bán các khoản đầu tư	1.200.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.829.854.160</u></b>	<b><u>17.491.721.007</u></b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của xi măng, clinker	6.953.008.994.122	6.834.641.634.899
Giá vốn của vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát, vật liệu phụ và các dịch vụ	20.282.233.452	31.245.319.542
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.973.291.227.574</u></b>	<b><u>6.865.886.954.441</u></b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>135.430.576.934</b>	<b>123.086.610.651</b>
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	66.918.647.383	61.525.314.772
Chi phí nhân viên	40.118.053.088	38.708.247.915
Các chi phí khác	28.393.876.463	22.853.047.964
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>187.659.992.197</b>	<b>192.224.989.602</b>
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	71.070.741.928	72.709.906.905
Chi phí nhân viên	68.982.237.271	70.555.616.525
Các chi phí khác	47.607.012.998	48.959.466.172
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>323.090.569.131</u></b>	<b><u>315.311.600.253</u></b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	275.657.706.840	311.657.116.852
Chiết khấu thanh toán	24.638.134.750	22.720.315.690
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.330.596.309	143.754.480.903
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn	2.931.246.080	(819.435.851)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>313.557.683.979</u></b>	<b><u>477.312.477.594</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>8.901.167.449</b>	<b>32.199.089.870</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	16.438.871.848
Khác	8.901.167.449	15.760.218.022
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.293.976.038)</b>	<b>(231.886.540)</b>
Khác	(1.293.976.038)	(231.886.540)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>7.607.191.411</u></b>	<b><u>31.967.203.330</u></b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.957.052.128.112	4.849.984.587.858
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	728.158.703.334	719.008.571.313
Chi phí nhân viên	570.414.398.402	547.637.590.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	927.445.198.455	988.981.573.353
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.183.070.428.303</u></b>	<b><u>7.105.612.323.229</u></b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và công ty con trong năm hiện hành là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	167.176.001.396	109.540.830.804
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	186.988.051
(Thu nhập) chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(2.682.366.992)	4.691.763.895
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>164.493.634.404</u></b>	<b><u>114.419.582.750</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>805.934.517.330</b>	<b>600.342.755.439</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	161.186.903.466	120.068.551.088
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập cổ tức	(499.801.440)	(748.332.104)
Khác	3.806.532.378	(4.900.636.234)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>164.493.634.404</b>	<b>114.419.582.750</b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**28.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả	5.045.990.291	2.430.056.015	2.615.934.276	(4.692.302.452)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	66.777.751	345.035	66.432.716	538.557
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b>5.112.768.042</b>	<b>2.430.401.050</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>2.682.366.992</b>	<b>(4.691.763.895)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Bên liên quan của Nhóm Công ty phần lớn là các đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

Các nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND Năm trước
Công ty TNHH MTV Xi Măng Hạ Long	Bên liên quan	Phí gia công xi măng	638.320.126.858	961.829.750.013
		Bán cát, pozulan	2.259.830.591	678.411.092
		Bán cát	181.800.000	-
		Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	-	99.837.045
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí tư vấn	121.766.470.154	113.047.877.640
		Chi phí lãi vay	1.229.800.154	1.234.011.796
		Bán xi măng	280.409.091	2.652.681.820
		Mua vỏ bao	-	7.895.266.880
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	117.572.863.776	97.774.318.238
		Bán xi măng	-	1.828.233.000
		Nhận chuyển nhượng vốn góp	-	1.500.000.000
		Cung cấp dịch vụ	-	5.096.320
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch – Xí nghiệp Tiêu thụ	Bên liên quan	Mua clinker	111.057.638.078	-
		Phí gia công xi măng	-	36.032.617.131
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long	Bên liên quan	Cho mượn nguyên vật liệu	38.932.874.031	14.037.745.400
		Mua clinker	541.685.200	-
		Thanh lý tài sản	-	995.263.091
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Bên liên quan	Mua clinker	31.881.230.910	-
		Thanh lý tài sản	-	681.818.182
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Bên liên quan	Bán cát và clinker	30.321.698.175	13.751.196.310
Công ty TNHH Xi Măng Siam City Nhơn Trạch	Bên liên quan	Bán clinker	26.120.323.000	14.445.968.000
		Bán cát	303.000.000	-

## Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm được trình bày như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Bên liên quan	Mua thạch cao Thu nhập cổ tức	15.894.941.045 420.000.000	34.286.304.019 420.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển Cung cấp dịch vụ	8.271.891.980 29.843.636	11.923.582.047 36.724.544
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Bên liên quan	Phí gia công Bán cát	6.840.800.000 205.249.090	- -
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	5.642.370.578	8.504.994.539
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Bên liên quan	Phí tư vấn	1.940.532.915	6.387.558.020
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Bên liên quan	Mua vỏ bao Bán cát	1.337.211.130 282.696.136	- -
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Bên liên quan	Mua vỏ bao Chi phí dự án	526.774.320 -	- 9.320.198.428
Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Xi măng	Bên liên quan	Phí đào tạo	246.600.000	111.360.000
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	Bên liên quan	Phí đào tạo	184.800.000	283.172.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Bên liên quan	Phí gia công Bán cát	9.192.000.000 164.446.500	- -
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Mua than	-	543.271.894.781

## Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>
				<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Bên liên quan	Mua clinker	-	3.289.907.047
		Bán cát	-	403.422.728
Nhà máy Vật liệu chịu lửa Kiểm tinh Việt Nam	Bên liên quan	Mua gạch	-	1.412.670.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Bên liên quan	Bán cát	-	69.721.364
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Bên liên quan	Bán công cụ dụng cụ	-	24.000.000

# Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Bên liên quan	Bán cát	310.965.750	-
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Bên liên quan	Bán cát và clinker	208.312.500	9.351.215.500
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Bên liên quan	Bán cát	180.891.150	-
Công ty TNHH Xi Măng Siam City Nhơn Trạch	Bên liên quan	Bán clinker	111.100.000	9.483.768.800
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long	Bên liên quan	Thanh lý tài sản	-	1.094.789.400
Công ty Cổ phần Xi Măng Vicem Hải Vân	Bên liên quan	Thanh lý tài sản	-	750.000.000
Công ty TNHH MTV Xi Măng Hạ Long	Bên liên quan	Bán pozulan, công cụ dụng cụ	-	595.259.951
Công ty Cổ phần Xi Măng Vicem Bim Sơn	Bên liên quan	Bán cát	-	302.750.000
			<b>811.269.400</b>	<b>21.577.783.651</b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long	Bên liên quan	Cho mượn nguyên vật liệu	26.788.480.235	14.037.745.400
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Bên liên quan	Phí tư vấn	643.581.000	522.603.500
			<b>643.581.000</b>	<b>522.603.500</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	(83.288.847.167)	(64.767.843.503)
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn	(70.203.888.650)	(61.540.395.981)
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	Bên liên quan	Phí gia công	(32.427.528.252)	(32.431.296.995)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Bên liên quan	Phí gia công	(9.192.000.000)	-
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch – Xi nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ	Bên liên quan	Mua clinker, phí gia công	(6.526.414.786)	(3.713.502.375)
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(2.567.659.176)	(2.523.259.867)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	(2.448.666.680)	(3.268.615.790)
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Bên liên quan	Phí gia công	(1.786.400.000)	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Bên liên quan	Mua vỏ bao	(1.112.739.195)	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Bên liên quan	Mua vỏ bao	(579.451.752)	-
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Bên liên quan	Phí tư vấn	(259.501.300)	(2.314.121.030)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Bên liên quan	Mua clinker	(554.002)	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Bên liên quan	Mua thạch cao	-	(2.128.500.000)
Nhà Máy Vật liệu Chịu lửa Kiểm tính Việt Nam	Bên liên quan	Mua gạch	(77.696.850)	(1.630.418.405)
			<b><u>(210.471.347.810)</u></b>	<b><u>(174.317.953.946)</u></b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	(619.954.051)	(309.977.025)
<b>Vay dài hạn</b>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Vay dài hạn	(17.568.573.607)	(17.568.573.607)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong năm được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập của Ban Giám đốc và người quản lý khác	5.936.116.652	5.274.497.974
Thù lao của Hội đồng Quản trị	<u>444.000.000</u>	<u>444.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.380.116.652</u></b>	<b><u>5.718.497.974</u></b>

**30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế (VND)	<u>641.396.790.128</u>	<u>487.592.188.619</u>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>641.396.790.128</b>	<b>487.592.188.619</b>
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành ( <i>cổ phiếu</i> )	381.541.911	381.541.911
Lãi trên cổ phiếu ( <i>VND/cổ phiếu</i> )		
- <i>Lãi cơ bản</i>	1.681	1.278
- <i>Lãi suy giảm</i>	1.681	1.278

Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND trên mỗi cổ phiếu.

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng trong năm và vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	23.721.699.201	21.543.848.144
Từ 1 - 5 năm	42.612.878.948	37.524.262.691
Trên 5 năm	<u>260.054.957.763</u>	<u>226.337.631.416</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>326.389.535.912</u></b>	<b><u>285.405.742.251</u></b>

**32. TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

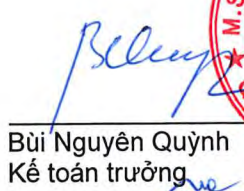
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.395.687.412	1.395.687.412
2. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	2.934.593	137.606
- Euro (EUR)	123	74

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thị Loan  
Người lập



Bùi Nguyên Quỳnh  
Kế toán trưởng





Lưu Đình Cường  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2019



## **Địa chỉ liên hệ**

- Tên giao dịch : **Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0301446422, đăng ký lần đầu ngày 18/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 08/12/2016
- Vốn điều lệ : 3.816 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 3.816 tỷ đồng
- Địa chỉ : 360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM
- Số điện thoại : +84. 28. 38 368 363 - 38 367 195
- Số fax : +84. 28. 38 361 278
- Website : [www.hatien1.com.vn](http://www.hatien1.com.vn)

## **Các chi nhánh**

### **XÍ NGHIỆP TIÊU THỤ & DỊCH VỤ VICEM HÀ TIÊN**

9-19 Hồ Tùng Mậu, lầu 3, Quận 01  
Tp. HCM  
Điện thoại: (028) 38215 545  
Fax: (028) 38 215 540  
Email: [xntt@hatien1.com.vn](mailto:xntt@hatien1.com.vn)

### **NHÀ MÁY XI MĂNG BÌNH PHƯỚC**

Áp Thanh Bình, Xã Thanh Lương, TX. Bình Long  
Tỉnh Bình Phước  
Điện thoại: (0271) 3630 888  
Fax: (0271) 3630 630

### **NHÀ MÁY XI MĂNG KIÊN LƯƠNG**

Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương  
H. Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang  
Điện thoại: (0297) 3853 004  
Fax: (0297) 3853 005

### **TRẠM NGHIÊN PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Tổ 8, Khu Phố 4, P.Phú Hữu, Quận 09  
Tp. HCM  
Điện thoại: (028) 37 317 990  
Fax: (028) 37 317 991

### **TRẠM NGHIÊN LONG AN**

Khu công nghiệp Long Định, huyện Cần  
Đước  
Tỉnh Long An  
Điện thoại: (0272) 3634 887  
Fax: (0272) 3634 888

### **TRẠM NGHIÊN CAM RANH**

Thôn Hòn Qui, xã Cam Thạnh Đông, Tp. Cam  
Ranh,  
Tỉnh Khánh Hoà  
Điện thoại: (0258) 3978888  
Fax: (0258) 3978999

## Chữ Viết tắt

BCNCKT:	Báo cáo nghiên cứu khả thi
BOT:	Xây dựng – Vận hành – Chuyển giao
BKS:	Ban kiểm soát
CAGR:	Compound annual growth rate Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm kép
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CEMs:	Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục
CPI:	Chỉ số giá tiêu dùng
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
GDP:	Tổng sản phẩm trong nước
HĐQT:	Hội đồng quản trị
Hà Tiên 1:	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
HOSE:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
NMBP:	Nhà máy Bình Phước
NMKL:	Nhà máy Kiên Lương
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
ROA:	Tỷ số lợi nhuận trên tài sản
ROE:	Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
SXKD:	Sản xuất kinh doanh
TNCR:	Trạm nghiên Cam Ranh
TNLA:	Trạm nghiên Long An
TNPH:	Trạm nghiên Phú Hữu
TV HĐQT:	Thành viên Hội đồng quản trị
VCSH:	Vốn chủ sở hữu
VICEM:	Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
XNTT:	Xí nghiệp Tiêu Thụ & Dịch Vụ Vicem Hà Tiên